



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7340101

Mã chương trình đào tạo: CQ7340101

Quảng Ninh 2022

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7340101

Mã chương trình đào tạo: CQ7340101

Quảng Ninh 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 248/QĐ-ĐHCNQN, ngày 28 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)*

Tên chương trình: Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh (tên ngành): Business administration

Mã ngành: 7340101

Mã chương trình đào tạo: CQ7340101

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Tầm nhìn- Sứ mạng- Triết lý giáo dục của Nhà trường

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực có uy tín trong nước và khu vực về công nghiệp và dịch vụ theo hướng ứng dụng.

Sứ mạng: Là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; Là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ về các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

Triết lý giáo dục: Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là một hệ giá trị mang tính toàn diện, bao gồm: Liêm chính – Đoàn kết – Trách nhiệm – Sáng tạo.

1.2. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có sức khỏe; thích nghi với môi trường làm việc, có trách nhiệm với nghề nghiệp, có kiến thức về KHCB, LLCT, GDQPAN, Ngoại ngữ, tin học, có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng thực hành cơ bản, có năng lực sáng tạo khoa học kỹ thuật, có khả năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập, ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.

1.3. Mục tiêu cụ thể

A. Về kiến thức

+ Kiến thức giáo dục đại cương

A1. Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

A2. Có kiến thức về toán học, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên môn và học tập nâng cao trình độ.

A3. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

+ Kiến thức chuyên môn

A4. Áp dụng các kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, marketing, tài chính - kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

A5. Phân tích, đánh giá và vận dụng được các kiến thức đã học liên quan đến quản trị sự thay đổi, quản trị văn hóa công ty, hành vi của tổ chức, đàm phán và giải quyết các xung đột nghề nghiệp... để có thể khởi nghiệp và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường trong nước và quốc tế.

A6. Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân quản trị kinh doanh bước đầu hiệu thực tiễn hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và có định hướng rõ ràng hơn về nghề nghiệp.

A7. Sử dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; Viết được khóa luận mang tính thực tiễn.

A8. Đối với những sinh viên chọn chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp: sinh viên có kiến thức sâu và thực tiễn về Quản trị sản xuất, Quản trị bán hàng, Quản trị rủi ro, Quản trị dự án; Quản trị Marketing; Quản trị kinh doanh quốc tế; Quản trị tài chính; Quản trị thương hiệu, Khởi sự kinh doanh...

A9. Đối với những sinh viên chọn chuyên ngành quản trị kinh doanh du lịch – khách sạn: sinh viên hiểu và có kiến thức sâu về quản trị kinh doanh du lịch khách sạn, nhà hàng, lữ hành; những kiến thức về thị trường du lịch, marketing, tài chính kế toán, tổ chức quản lý của một bộ phận cũng như của một doanh nghiệp du lịch.

B. Về kỹ năng

B1. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

B2. Phân tích tình huống và nhận dạng vấn đề, tìm ra nguyên nhân, đề xuất và lựa chọn giải pháp tối ưu, và triển khai giải pháp lựa chọn;

B3. Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;

B4. Phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi;

B5. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

B6. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp;

B7. Có khả năng tự học, rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu thực tế nghề nghiệp;

B8. Kỹ năng giao tiếp tốt,

B9. Kỹ năng làm việc theo nhóm (Team Work)

C. Mức tự chủ và trách nhiệm

C1. Có năng lực làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tổ chức;

C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;

C3. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong quản trị các hoạt động doanh nghiệp;

C4. Có năng lực xây dựng kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đồng thời đánh giá và cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp;

1.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Quản trị kinh doanh có thể đảm nhận công việc tại các vị trí:

1. Chuyên viên quản trị kinh doanh: Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác, có thể đảm nhận các công việc như bán hàng, marketing, tài chính, nhân sự..., triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án và giám đốc doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn.

2. Chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: Có khả năng làm việc tại các công ty và tổ chức tư vấn quản trị doanh nghiệp, các Bộ và Sở, Ban, Ngành liên quan, có thể đảm nhận các công việc, trợ lý phân tích và lập báo cáo về thị trường kinh doanh, trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh, kế hoạch nhân sự, sản xuất... của doanh nghiệp, triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức.

3. Nghiên cứu viên và giảng viên: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu, có thể đảm nhận công việc, tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp, nhà quản lý trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

4. Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: Sau khi tốt nghiệp người học có thể là chuyên viên có năng lực, có khả năng tự bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm để trở thành chuyên gia có trình độ cao, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý một doanh nghiệp, có đam mê và tinh thần sẵn sàng khởi nghiệp sáng tạo, trong tương lai sẽ đi theo thiên hướng trở thành những doanh nhân có trí tuệ, có bản lĩnh và khát vọng kinh doanh.

1.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ), tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia phân tích, nhà hoạch định chính sách, nhà lãnh đạo trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

II. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

III. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

+ *Kiến thức giáo dục đại cương*

3.1.1. Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3.1.2. Có kiến thức về toán học, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên môn và học tập nâng cao trình độ.

3.1.3. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

+ *Kiến thức chuyên môn*

3.1.4. Áp dụng các kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, marketing, tài chính - kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

3.1.5. Phân tích, đánh giá và vận dụng được các kiến thức đã học liên quan đến quản trị sự thay đổi, quản trị văn hóa công ty, hành vi của tổ chức, đàm phán và giải quyết các xung đột nghề nghiệp... để có thể khởi nghiệp và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường trong nước và quốc tế.

3.1.6. Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân quản trị kinh doanh bước đầu hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và có định hướng rõ ràng hơn về nghề nghiệp.

3.1.7. Sử dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; Viết được khóa luận mang tính thực tiễn.

3.1.8. Đối với những sinh viên chọn chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp: sinh viên có kiến thức sâu và thực tiễn về Quản trị sản xuất, Quản trị bán hàng, Quản trị rủi ro, Quản trị dự án; Quản trị Marketing; Quản trị kinh doanh quốc tế; Quản trị tài chính; Quản trị thương hiệu, Khởi sự kinh doanh...

3.1.9. Đối với những sinh viên chọn chuyên ngành quản trị kinh doanh du lịch – khách sạn: sinh viên hiểu và có kiến thức sâu về quản trị kinh doanh du lịch khách sạn, nhà hàng, lễ hành; những kiến thức về thị trường du lịch, marketing, tài chính kế toán, tổ chức quản lý của một bộ phận cũng như của một doanh nghiệp du lịch.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

3.2.2. Phân tích tình huống, và nhận dạng vấn đề, tìm ra nguyên nhân, đề xuất và lựa chọn giải pháp tối ưu, và triển khai giải pháp lựa chọn;

3.2.3. Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;

3.2.4. Phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi;

3.2.5. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

3.2.6. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp;

3.2.7. Có khả năng tự học, rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu thực tế nghề nghiệp;

3.2.8. Kỹ năng giao tiếp tốt;

3.2.9. Kỹ năng làm việc theo nhóm (Team Work)

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

3.3.1. Có năng lực làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tổ chức;

3.3.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;

3.3.3. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong quản trị các hoạt động doanh nghiệp;

3.3.4. Có năng lực xây dựng kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đồng thời đánh giá và cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp;

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
	Kiến thức									Kỹ năng									Mức tự chủ và trách nhiệm			
	3.11	3.12	3.13	3.14	3.15	3.16	3.17	3.18	3.19	3.21	3.22	3.23	3.24	3.25	3.26	3.27	3.28	3.29	3.31	3.32	3.33	3.34
A1	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
A2		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
A3		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
A4		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
A5		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
A6		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
A7		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
A8		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
A9		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
B1										✓						✓	✓	✓				
B2		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
B3		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
B4		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
B5		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
B6		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
B7		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
B8		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
B9		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
C1		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
C2		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
C3		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
C4		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	

IV. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 04 năm

V. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA: 139 tín chỉ

(không kể học phần giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

VI. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

5.1. Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

5.2. Người tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

VII. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành.

VIII. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

Phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

8.1. Phương pháp giảng dạy

8.1.1. Dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Dạy học trực tiếp gồm phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng và phương pháp tham luận.

8.1.1.1. Giải thích cụ thể: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

8.1.1.2. Thuyết giảng: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

8.1.1.3. Tham luận: Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

8.1.2. Dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là phương pháp dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được

thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy gồm: Câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống.

8.1.2.1. Câu hỏi gợi mở: Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

8.1.2.2. Giải quyết vấn đề: Trong tiến trình dạy học người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học

8.1.2.3. Học theo tình huống: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

8.1.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là phương pháp dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà người học được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Các phương pháp dạy học gồm: mô hình, thực tập, thực tế, thí nghiệm và nhóm nghiên cứu giảng dạy.

8.1.3.1. Mô hình: là phương pháp dạy học trong đó sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung, kiến thức và kỹ năng được đặt ra

8.1.3.2. Thực tập, thực tế: Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

8.1.3.3. Nhóm nghiên cứu giảng dạy: Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

8.1.4 Dạy học tương tác

Đây là phương pháp dạy học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề, từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định. Các kỹ thuật, phương pháp gồm có: phương pháp tranh luận, thảo luận, học nhóm.

8.1.4.1. Tranh luận: là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

8.1.4.2. Thảo luận: Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

8.1.4.3. Học nhóm: Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

8.2. Quy trình đánh giá

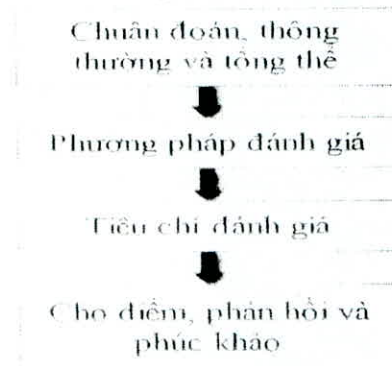
Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tin chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, việc đánh giá đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khác quan, vấn đáp, bài kiểm tra ngắn, bài tiểu luận, bài thi thực hành, tham quan doanh nghiệp, thực tập doanh nghiệp, đo lường trong phòng thí nghiệm, bài trình bày, ... Chuẩn đánh giá là các rubrics học phần, gồm rubrics thang điểm, rubrics phân tích và một số rubrics tổng hợp và đáp án môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo qui trình [Hình 1].

Chuẩn đầu ra chương trình



Giá trị, tin cậy và công bằng

Đánh giá sinh viên



Hình 1. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

8.3. Cách tính điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 sử dụng cho điểm thành phần của học phần.

Thang điểm 10			Điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
8,5	÷	10	A	4,0	Đạt
7,0	÷	8,4	B	3,0	
5,5	÷	6,9	C	2,0	
4,0	÷	5,4	D	1,0	
Dưới 4,0			F	0	Không đạt

8.4. Rubric đánh giá

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Học phần: Thực tập tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: Đánh giá kỹ năng Báo cáo thực tập (dành cho Báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành thực tập tốt nghiệp sinh viên cần phải đạt được:

➤ 1. Yêu cầu về báo cáo thực tập tốt nghiệp:

❖ 1.1. Để được chấm báo cáo, sinh viên phải trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng theo mẫu của Bộ môn. nếu không đúng yêu cầu, báo cáo của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu cần phải nêu lý do tại sao lại trình bày

khác mẫu.

- ❖ 1.2. Trình bày theo mẫu gồm:
 - Trình bày đúng font chữ và cách căn chỉnh lề
 - Trình bày đúng theo cấu trúc và format
 - Trình bày đúng nội dung của từng mục

➤ 2. Yêu cầu về kỹ năng mềm

- ❖ 2.1. Có kỹ năng viết một báo cáo thực tập
- ❖ 2.2. Có kỹ năng trình bày slide và thuyết trình một báo cáo thực tập
- ❖ 2.3. Có kỹ năng làm việc theo nhóm đi thực tập cùng một nơi
- ❖ 2.4. Có kỹ năng trả lời các câu hỏi

b. Đánh giá báo cáo thực tập

1. Hình thức báo cáo thực tập có được trình bày theo mẫu – mục 1 (2,0 điểm) (mỗi mục nhỏ 0.5 điểm)		
1.1. Nội dung của các mục trong trang thông tin của báo cáo thực tập tốt nghiệp phải rõ ràng và phù hợp với tiêu đề các mục		
1.2. Câu từ, văn phong sử dụng trong báo cáo thực tập tốt nghiệp rõ ràng, phù hợp với nội dung nghiên cứu		
1.3. Hình thức trình bày đúng theo mẫu quy định		
1.4. Hình ảnh, hình vẽ, đồ thị,... được sử dụng trong báo cáo thực tập được trình bày hợp lý, đẹp và rõ ràng và phù hợp với nội dung cần minh họa		
2. Điểm thuyết trình (2 điểm)		
1.5. Cách trình bày slide (1 điểm)		
0.5 điểm Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ	0.5 điểm Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều	1 điểm Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh.
1.6. Cách trình bày báo cáo của sinh viên (1 điểm) (mỗi phần tích 0.5 điểm)		
1.2.1. Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định		
1.2.2. Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giao tiếp ánh mắt với người nghe, hấp dẫn và thu hút người nghe.		
2. Điểm chấm báo cáo (2 điểm)		
1,0 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày các nội dung sơ sài,	1.5 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày đầy đủ các nội	2 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày đầy đủ được nội dung của

không đảm bảo theo yêu cầu của đề cương nghiên cứu	đúng, đảm bảo theo yêu cầu của đề cương nghiên cứu	tất cả các phần theo yêu cầu,
4. Trả lời câu hỏi (4,0 điểm). Mỗi câu từ 0,5 đến 1,0 điểm		
4.1.. Tổng số câu hỏi (3 – 5 câu)		
4.2.. Tổng số câu hỏi sinh viên trả lời được		

RUBRIC ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Học phần: **Khoá luận tốt nghiệp**

Loại hình đánh giá: **Rubric đánh giá nội dung khoá luận**

(dành cho GVHD, GVPB và báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành khoá luận tốt nghiệp sinh viên phải đạt được những yêu cầu sau:

1. Yêu cầu về quyển khoá luận.

1.1. Để được chấm, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp, sinh viên phải trình bày khoá luận đúng theo mẫu, đáp ứng các yêu cầu chất lượng nội dung khoá luận của bộ môn và được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn, nếu không khoá luận của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu, nội dung chưa đáp ứng yêu cầu cần phải nêu lý do.

1.2 Trình bày theo mẫu gồm:

- Trình bày đúng font chữ và các cách căn chỉnh lề
- Trình bày đúng theo cấu trúc và format
- Trình bày đúng nội dung của từng mục
- Chất lượng các nội dung phải đáp ứng yêu cầu của Bộ môn

2. Yêu cầu chuẩn đầu ra:

2.1. Biết vận dụng, chất lọc và tổng hợp các kiến thức lý thuyết được trang bị làm cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu

2.2. Tổng hợp, phân tích và đánh giá được các điều kiện địa lý tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của vùng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập.

2.2. Biết áp dụng phương pháp thu thập tài liệu tại đơn vị thực tập, tổng hợp các kết quả đạt được có độ tin cậy, rõ ràng và đạt được mục tiêu yêu cầu của khoá luận tốt nghiệp.

2.3. Biết tổng hợp, phân tích và đánh giá có cơ sở khoa học và thực tiễn thực trạng hoạt động của đơn vị thực tập và đưa ra các nhận định của bản thân về công tác quản trị và thực hiện hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập;

2.4. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng đưa ra các giải pháp phù hợp, có hiệu quả cao, có khả năng áp dụng vào thực tế, có khả năng phát triển và nhân rộng;

2.5. Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản, các phần mềm chuyên môn trong việc giải quyết các vấn đề của khoá luận tốt nghiệp;

2.6. Có các kỹ năng tìm hiểu, tham khảo, khai thác các tài liệu liên quan, đặc biệt là tài liệu tham khảo chuyên môn.

b. Đánh giá khoá luận tốt nghiệp (GVHD, GVPB)

Khoá luận có được trình bày theo mẫu – mục 1 (2,0 điểm) (mỗi mục nhỏ 0.5 điểm)			
2.1. Nội dung của các mục trong trang thông tin kết quả nghiên cứu có rõ ràng và phù hợp với tiêu đề các mục			<input type="checkbox"/>
2.2. Câu từ, văn phong sử dụng trong khoá luận rõ ràng, phù hợp với nội dung nghiên cứu			<input type="checkbox"/>
2.3. Hình thức trình bày đúng theo mẫu quy định			<input type="checkbox"/>
2.4. Hình ảnh, hình vẽ, đồ thị,... được sử dụng trong khoá luận được trình bày hợp lý, đẹp và rõ ràng và phù hợp với nội dung cần minh họa			<input type="checkbox"/>
3. Phần I - Cơ sở lý luận chung về lĩnh vực nghiên cứu của khoá luận (2 điểm) – mục 2.1. 2.2			
0,5 điểm	1,0 điểm	1,5 điểm	2,0 điểm
Kiến thức được đưa vào một cách qua loa, không chọn lọc và chủ yếu là copy and paste	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc nhưng chủ yếu là copy and paste	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
4. Phần II: Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập theo nội dung nghiên cứu (3,0 điểm) - mục 2.2, 2.3, 2.5, 2.6			
4.1. Tổng hợp số liệu để giải quyết vấn đề hợp lý, rõ ràng, phù hợp với thực tế (1,5 điểm)			<input type="checkbox"/>
0.25 điểm	0.5 điểm	1,0 điểm	1,5 điểm
Số liệu tổng hợp sơ sài, chưa rõ ràng, không khoa học, không có tính thuyết phục	Số liệu tổng hợp đầy đủ, rõ ràng, khoa học, ít tính thuyết phục	Số liệu tổng hợp đầy đủ, phong phú, rõ ràng, có khoa học, tính thuyết phục thấp	Số liệu tổng hợp đầy đủ, phong phú, rõ ràng, có căn cứ khoa học, có tính thuyết phục cao
4.2. Phương pháp phân tích, đánh giá khoa học, kết quả phân tích, đánh giá chính xác, phù hợp với thực tế (1,5 điểm) - mục 2.4, 2.5, 2.6			<input type="checkbox"/>
0.25 điểm	0.5 điểm	1,0 điểm	1,5 điểm
Phương pháp phân tích, đánh	Phương pháp phân tích, đánh giá chưa	Phương pháp phân tích, đánh giá khoa	Phương pháp phân tích, đánh giá khoa học, kết quả phân

giá chưa khoa học, kết quả phân tích, đánh giá không chính xác, sơ sài	khoa học, kết quả phân tích, đánh giá với độ chính xác chưa cao	học, kết quả phân tích, đánh giá chính xác, chưa đưa ra nhận định của bản thân và ít có liên hệ thực tế	tích, đánh giá chính xác, hợp lý, đưa ra nhận định của bản thân và có liên hệ thực tế
--	---	---	---

5. Phần III: Giải pháp cho vấn đề nghiên cứu(3,0 điểm)

5.1. Phần trình bày, luận giải các giải pháp (2,0 điểm)

0,5 điểm	1,5 điểm	2,0 điểm
Các giải pháp được trình bày chưa hợp lý, rõ ràng, chưa phù hợp với mục tiêu đặt ra. Không có tính thuyết phục. Số lượng giải pháp chưa đảm bảo yêu cầu tối thiểu(<3)	Các giải pháp được trình bày hợp lý, rõ ràng, ít tính thuyết phục. phù hợp với mục tiêu đặt ra. Số lượng giải pháp đảm bảo yêu cầu	Các giải pháp được trình bày hợp lý, rõ ràng, khoa học, có tính thuyết phục cao, phù hợp với mục tiêu đặt ra. Số lượng giải pháp đảm bảo yêu cầu.

5.2. Tính sáng tạo và khả năng ứng dụng vào thực tiễn SXKD (1,0 điểm)



0.25 điểm	0.75 điểm	1,0 điểm
Các giải pháp không có tính sáng tạo và ít có khả năng ứng dụng vào thực tiễn SXKD	Các giải pháp ít có tính sáng tạo và ít có khả năng ứng dụng vào thực tiễn SXKD	Các giải pháp có tính sáng tạo và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn SXKD

c. Đánh giá kỹ năng báo cáo khoá luận tốt nghiệp (Hội đồng đánh giá)

1. Điểm trình bày (2,0 điểm)

1.1. Cách trình bày slide kèm theo treo các hình vẽ, đồ thị minh họa (1,0 điểm)

0,25 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm	1,0 điểm
Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ, không treo bản vẽ minh họa.	Slide sử dụng chữ là chủ đạo, ít hình ảnh, có treo bản vẽ minh họa nhưng không đủ.	Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều có đủ hình vẽ minh họa	Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh, có hình vẽ minh họa sạch đẹp, đúng quy định.

1.2. Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng (0,5 điểm)

0, 2 điểm	0.25 điểm	0,5 điểm
Sinh viên chỉ đọc những chữ có	Sinh viên trình bày chưa tự tin,	Sinh viên có sự chuẩn bị tốt:

trong slide	chưa mạch lạc	trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng.	
1.3. Cách trình bày khoá luận tốt nghiệp của sinh viên (0.5 điểm) (mỗi phần tích 0.25 điểm)			
1.3.1 Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định		<input type="checkbox"/>	
1.3.2 Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ có thể và giao tiếp ánh mắt với người nghe		<input type="checkbox"/>	
2. Điểm đánh giá các nội dung trình bày (3 điểm)			
0.75 điểm	1,5 điểm	2,25 điểm	3,0 điểm
Chỉ trình bày được 1/4 nội dung của khoá luận, không nắm vững các kiến thức chuyên môn.	Chỉ trình bày được 1/2 nội dung của khoá luận, nắm các kiến thức chuyên môn không sâu.	Trình bày được 3/4 nội dung của khoá luận, nắm vững các kiến thức chuyên môn tương đối chắc.	Trình bày được đầy đủ các nội dung của khoá luận, nắm chắc các kiến thức chuyên môn. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
3. Trả lời câu hỏi (5,0 điểm). Mỗi câu từ 0,5 đến 1,0 điểm			
3.1. Tổng số câu hỏi (3 – 5 câu)			
3.2. Tổng số câu hỏi sinh viên trả lời được			
4. Nhận xét về sinh viên: Có dấu hiệu sinh viên không hiểu nội dung khoá luận			<input type="checkbox"/>
Điểm khoá luận bằng 0 Nếu sinh viên có dấu hiệu không hiểu nội dung khoá luận thì điểm khoá luận sẽ bằng 0 (sinh viên không trả lời được câu hỏi nào hoặc các câu trả lời không đúng với nội dung câu hỏi)	70% điểm khoá luận Sinh viên chỉ nắm được 1 phần nội dung khoá luận của mình (sinh viên chỉ trả lời được ½ số câu hỏi của hội đồng hoặc các câu trả lời của sinh viên trả lời chưa đúng với trọng tâm câu hỏi)	100% điểm khoá luận Sinh viên nắm được phần lớn nội dung khoá luận của mình (sinh viên trả lời được hầu hết các câu hỏi có trong nội dung khoá luận của hội đồng. Câu trả lời của sinh viên trả lời đa phần đúng với trọng tâm câu hỏi)	

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

9.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Phần chương trình	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	37
1.1	Kiến thức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội	18
1.2	Kiến thức toán và khoa học tự nhiên	11

1.3	Tiếng Anh	8
2	Giáo dục chuyên nghiệp	102
2.1	Cơ sở ngành	27
2.2	Chuyên ngành: QTKD tổng hợp	65
2.2.1	Khối lượng bắt buộc	63
2.2.2	Khối lượng tự chọn	2
2.3	Chuyên ngành: QTKD du lịch- khách sạn	65
2.3.1	Khối lượng bắt buộc	63
2.3.2	Khối lượng tự chọn	2
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4
2.5	Khoá luận tốt nghiệp	6
2.6	Giáo dục thể chất	4
2.7	Giáo dục quốc phòng an ninh	165 tiết
Tổng khối lượng		139

9.2. Danh mục khối lượng các học phần trong chương trình đào tạo:

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
9.1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			37	34	3
9.1.1	Lý luận chính trị			11	11	0
1	02CHINHTRI302	LLCT	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	02CHINHTRI303		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	02CHINHTRI305		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	02CHINHTRI304		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	02CHINHTRI201		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
9.1.2	Khoa học xã hội - Nhân văn			4	4	0
6	02LUAT101	LLCT	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	02KHXXH103		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2	0
9.1.3	Ngoại ngữ (kể cả tiếng Anh chuyên ngành)			8	7	1
8	02TANH101	NN	Tiếng Anh cơ bản 1	4	3,5	0,5
9	02TANH102		Tiếng Anh cơ bản 2	4	3,5	0,5
9.1.4	Toán học - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường			11	10	1
9.1.4.1	PHẦN BẮT BUỘC			9	8	1
10	02TOAN101	TOÁN	Toán cao cấp 1	3	3	0
11	02TOAN202		Toán cao cấp 2	3	3	0

12	02TINHOC101	KHMT	Nhập môn tin học	3	2	1
9.1.4.2	PHÂN TỰ CHỌN (chọn 1 trong 2 học phần sau)			2	2	0
13	02TOAN220	TOÁN	Xác suất thống kê	2	2	0
14	02KHXXH105	LLCT	Văn hoá kinh doanh	2	2	0
9.1.5	DHCQ0123	LLCT	Kỹ năng mềm	3	2	1
9.1.6	Giáo dục thể chất			4	0	4
16	DHCQ0072	GDTC	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
	DHCQ0073		Giáo dục thể chất 2	2	0	2
	DHCQ0074		Giáo dục thể chất 3	1	0	1
9.1.7	Giáo dục Quốc phòng và an ninh			8.5	93 tiết	72 tiết
17	QPAN2020_1	GDQP	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45 tiết	0 tiết
	QPAN2020_2		Công tác quốc phòng an ninh	2	30 tiết	0 tiết
	QPAN2020_3		Quân sự chung	1.5	14 tiết	16 tiết
	QPAN2020_4		Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	4 tiết	56 tiết
9.2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			102		
9.2.1	Kiến thức cơ sở ngành			27	27	0
18	02kinhte101	QTKD	Kinh tế vi mô	3	3	0
19	02kinhte102	QTKD	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
20	02tke201	QTKD	Nguyên lý thống kê	3	3	0
21	02ketoan402	KT	Nguyên lý kế toán	3	3	0
22	ĐHCQ0174	QTKD	Quản trị học	3	3	0
23	02DHKETOAN141	TCNH	Thị trường chứng khoán	2	2	0
24	ĐHCQ0139	LLCT	Luật kinh tế	2	2	0
25	02DHQTKD104	KT	Toán kinh tế	3	3	0
26	ĐHCQ0144	QTKD	Marketing căn bản	3	3	0
27	02DHQTKD107	QTKD	Kỹ năng quản trị	2	2	0
9.2.2	Kiến thức chung của ngành			26	24	2
28	ĐHCQ0170	QTKD	Quản trị chất lượng	2	2	0
29	ĐHCQ0172	QTKD	Quản trị đổi mới, sáng tạo	2	2	0
30	02tke310	QTKD	Thống kê doanh nghiệp	3	3	0
31	ĐHCQ0081	KHMT	Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1
32	02DHQTKD111	QTKD	Quản trị chiến lược	3	3	0
33	02DHKETOAN139	KT	Kế toán doanh nghiệp	3	3	0
34	02DHTCHINH107	TCNH	Thuế	3	3	0
35	02DHQTKD127	QTKD	Quản trị thương hiệu	2	2	0
36	ĐHCQ0181	QTKD	Quản trị nhân lực	3	2	1

37	DHCQ0179	QTKD	Quản trị Marketing	2	2	0
9.2.3	Kiến thức chuyên ngành					
9.2.3.1	Chuyên ngành: QTKD tổng hợp			39	33	6
	PHẦN BẮT BUỘC			37	31	6
38	DHCQ0182	QTKD	Quản trị rủi ro	2	2	0
39	02DHQTKD103	QTKD	Hành vi tổ chức	2	2	0
40	DHCQ0186	QTKD	Quản trị văn phòng	3	3	0
41	DHCQ0173	QTKD	Quản trị dự án	3	2	1
42	02quantri421	QTKD	Quản trị chi phí kinh doanh	3	3	0
43	02DHQTKD106	TCNH	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	0
44	DHCQ0159	QTKD	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	4	3	1
45	DHCQ0185	QTKD	Quản trị tài chính doanh nghiệp	4	3	1
46	DHCQ0118	QTKD	Khởi sự kinh doanh	3	2	1
47	DHCQ0171	QTKD	Quản trị cung ứng dịch vụ	3	3	0
48	DHCQ0169	QTKD	Quản trị bán hàng	2	2	0
49	DHCQ0288	NN	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD TH 1	3	2	1
50	DHCQ0289	NN	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD TH 2	3	2	1
2.2	PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1 trong các học phần sau)			2	2	0
51	02DHKETOAN142	TCNH	Tài chính tiền tệ	2	2	0
52	02DHQTKD119	QTKD	Thương mại điện tử	2	2	0
9.2.3.2	Chuyên ngành: QTKD du lịch – khách sạn			39	30	9
	PHẦN BẮT BUỘC			37	28	9
53	02DHQUANTRI150	LLCT	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
54	DHCQ0304	QTKD	Tổng quan du lịch khách sạn	3	3	0
55	02DHQUANTRI154	QTKD	Tài nguyên du lịch	2	2	0
56	02DHQUANTRI157	QTKD	Kinh tế du lịch	2	2	0
57	DHCQ0185	QTKD	Quản trị tài chính doanh nghiệp	4	3	1
58	DHCQ0178	QTKD	Quản trị lễ tân khách sạn	2	2	0
59	02DHQUANTRI160	QTKD	Quản trị thực phẩm đồ uống	2	2	0
60	DHCQ0235	QTKD	Thực tập Quản trị lễ tân khách sạn	2	0	2
61	DHCQ0164	QTKD	Quản lý điểm đến du lịch	2	2	0
62	DHCQ0183	QTKD	Quản trị sự kiện	2	2	0

63	DHCQ0075	QTKD	Hành vi khách du lịch	2	2	0
64	DHCQ0236	QTKD	Thực tập Quản trị sự kiện và quản trị thực phẩm đồ uống	2	0	2
65	DHCQ0233	QTKD	Thực tập nghiệp vụ 1	2	0	2
66	DHCQ0234	QTKD	Thực tập nghiệp vụ 2	2	0	2
67	02TANH355	NN	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	2	2	0
68	02DHTANH400	NN	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	2	2	0
69	DHCQ0286	NN	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	2	2	0
PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1 trong các học phần sau)				2	2	0
70	02DHQUANTRI171	QTKD	Địa lý du lịch	2	2	0
71	02DHQTKD119	QTKD	Thương mại điện tử	2	2	0
9.2.4	Thực tập			4	0	4
72	DHCQ0272	QTKD	Thực tập tốt nghiệp ngành QTKD	4	0	4
9.2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học phần chuyên sâu thay thế					
73	DHCQ0116	QTKD	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD	6	0	6
SV không làm khóa luận phải học thêm:				6	6	0
9.2.5.1	Chuyên ngành: QTKD tổng hợp					
74	02DHQTKD114	QTKD	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	3	0
75	DHCQ0177	QTKD	Quản trị kinh doanh tổng hợp	3	3	0
9.2.5.2	Chuyên ngành: QTKD du lịch – khách sạn			6	6	0
76	DHCQ0176	QTKD	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3	0
77	02DHQUANTRI177	QTKD	Du lịch bền vững	3	3	0
Tổng tín chỉ toàn khóa chuyên ngành: QTKD tổng hợp				139	118	21
Tổng tín chỉ toàn khóa chuyên ngành: QTKD du lịch – khách sạn				139	115	24

9.3. Kỳ học theo kế hoạch chuẩn

PHẦN KHỐI KIẾN THỨC HỌC CHUNG NGÀNH		
TT	Học kỳ I	Số tín chỉ
	Triết học Mác - Lênin	3
	Tiếng anh cơ bản 1	4 (3.5, 0.5)
	Toán cao cấp 1	3
	Nhập môn tin học	3(2,1)
	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	165tiết

Cộng khối lượng học kỳ I		13
TT	Học kỳ II	Số tín chỉ
	Kỹ năng mềm	3 (2,1)
	Giáo dục thể chất 1	1
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
	Tiếng anh cơ bản 2	4(3.5, 0.5)
	Toán cao cấp 2	3
	Kinh tế vi mô	3
	Quản trị đổi mới, sáng tạo	2
Cộng khối lượng học kỳ II		17
TT	Học kỳ III	Số tín chỉ
	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	Giáo dục thể chất 2	2
	Kinh tế vĩ mô	3
	Nguyên lý thống kê	3
	Quản trị chất lượng	2
	Kỹ năng quản trị	2
	Quản trị học	3
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)	2(2,0)
	<i>Xác suất thống kê</i>	2(2,0)
	<i>Văn hoá kinh doanh</i>	2(2,0)
Cộng khối lượng học kỳ III		19
TT	Học kỳ IV	Số tín chỉ
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
	Giáo dục thể chất 3	1
	Pháp luật đại cương	2
	Marketing căn bản	3
	Toán kinh tế	3
	Nguyên lý kế toán	3
	Quản trị chiến lược	3
	Thị trường chứng khoán	2
Cộng khối lượng học kỳ IV		18
PHẦN KHỐI KIẾN THỨC THEO CHUYÊN NGÀNH		
Chuyên ngành 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp		
TT	Học kỳ V	Số tín chỉ
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
	Thuế	3
	Thống kê doanh nghiệp	3
	Quản trị Marketing	2
	Tiếng Anh QTKD tổng hợp chuyên ngành 1	3(2,1)
	Hệ thống thông tin quản lý	3(2,1)
	Luật kinh tế	2

<i>Cộng khối lượng học kỳ V</i>		18
TT	Học kỳ VI	Số tín chỉ
	Kế toán doanh nghiệp	3
	Quản trị nhân lực	3(2,1)
	Quản trị rủi ro	2
	Hành vi tổ chức	2
	Quản trị văn phòng	3
	Quản trị thương hiệu	2
	Quản trị dự án	3(2,1)
	<i>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	2
	<i>Tài chính tiền tệ</i>	2
	<i>Thương mại điện tử</i>	2
Cộng học kỳ VI		20
TT	Học kỳ VII	Số tín chỉ
	Quản trị chi phí kinh doanh	3
	Quản trị kinh doanh quốc tế	2
	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	4(3,1)
	Quản trị tài chính doanh nghiệp	4(3,1)
	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD TH 2	3(2,1)
	Quản trị cung ứng dịch vụ	3
Cộng khối lượng học kỳ VII		19
TT	Học kỳ VIII	Số tín chỉ
	Khởi sự kinh doanh	3(2,1)
	Quản trị bán hàng	2(2,0)
	Thực tập tốt nghiệp QTKD	4(0,4)
	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm 3 học phần:	6(0,6)
	- Quản trị SX và tác nghiệp	3
	- Quản trị kinh doanh tổng hợp	3
Cộng khối lượng học kỳ VIII		15
Chuyên ngành 2: QTKD du lịch – khách sạn		
TT	Học kỳ V	Số tín chỉ
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
	Thuế	3
	Thống kê doanh nghiệp	3
	Quản trị Marketing	2
	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	2
	Hệ thống thông tin quản lý	3(2,1)
	Luật kinh tế	2
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	Hành vi khách du lịch	2
Cộng khối lượng học kỳ V		21
TT	Học kỳ VI	Số tín chỉ
	Kế toán doanh nghiệp	3
	Quản trị nhân lực	3(2,1)

	Tổng quan du lịch – khách sạn	3
	Tài nguyên du lịch	2
	Quản trị thương hiệu	2
	Kinh tế du lịch	2
	Quản trị lễ tân khách sạn	2
	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	2
	Cộng học kỳ VI	19
TT	Học kỳ VII	Số tín chỉ
	Quản trị tài chính doanh nghiệp	4(3,1)
	Quản trị thực phẩm đồ uống	2
	Thực tập Quản trị lễ tân khách sạn	2(0,2)
	Quản lý điểm đến du lịch	2
	Quản trị sự kiện	2
	Thực tập QT sự kiện và QT thực phẩm đồ uống	2(0,2)
	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	2
	Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)	2
	Địa lý du lịch	2
	Thương mại điện tử	2
	Cộng khối lượng học kỳ VII	18
TT	Học kỳ VIII	Số tín chỉ
	Thực tập nghiệp vụ 1	2
	Thực tập nghiệp vụ 2	2
	Thực tập tốt nghiệp	4(0,4)
	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm 3 học phần:	6(0,6)
	- Quản trị KD lữ hành	3
	- Du lịch bền vững	3
	Cộng học kỳ VIII	14
	Tổng số tín chỉ toàn khóa	139

9.4. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																									
		Kiến thức										Kỹ năng										Mức tự chủ và trách nhiệm					
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.1.6	3.1.7	3.1.8	3.1.9	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.2.6	3.2.7	3.2.8	3.2.9	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4				
I. Toán & khoa học tự nhiên																											
02TOAN101	Toán cao cấp 1		2										2										2	2	3		
02TOAN202	Toán cao cấp 2		2										2											2	2	3	
02TINHOC101	Nhập môn tin học		1	3									1	2									2			1	
02TOAN220	Xác suất thống kê		2										2							1				1		1	
II. Lý luận chính trị, Khoa học xã hội- Nhân văn																											
02CHINHTRI302	Triết học Mác-Lênin	3												1						1				1			
02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3												1						1				1			
02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3												1						1				1			
02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng CSVN	3												1						1				1			
02CHINHTRI20	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												1						1				1			
02LUAT101	Pháp luật đại cương	2												1						1				2			
02KHXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2												1						1				2			
02KHXH105	Văn hoá kinh doanh	1													2									2			
III. Ngoại ngữ																											
02TANH101	Tiếng Anh cơ bản 1		2										3						2	2	2	2	2	2	2	2	2
02TANH102	Tiếng Anh cơ bản 2		2										3						2	2	2	2	2	2	2	2	2
IV. Kỹ năng mềm, GDTC, GDQP																											

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																					
		Kiến thức										Kỹ năng									Mức tự chủ và trách nhiệm		
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.1.6	3.1.7	3.1.8	3.1.9	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.2.6	3.2.7	3.2.8	3.2.9	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4
ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	1												2			3	3	2				
ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	3	2										2							3	2	2	
ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	3	2										2							3	2	2	
ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	3	2										2							3	2	2	
QPAN2020	Giáo dục QP và an ninh	3	2	2									2							3	2	2	
V. Cơ sở ngành/ nhóm ngành																							
02kinhte101	Kinh tế vi mô		1					2					2	1			1	2		2	2	2	
02kinhte102	Kinh tế vĩ mô		1					2					2	1	2		1	2		2		2	
02tke201	Nguyên lý thống kê		2					2	2				2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
02ketoan402	Nguyên lý kế toán		2					1					2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2
02DHKETOAN141	Thị trường chứng khoán		2	2	2	2	2	2	2				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
ĐHCQ0139	Luật kinh tế	1											1				1			2			
02DHQTKD104	Toán kinh tế		3	2	2	2	2	2	2				2			2	2	2	2	2	2	2	
ĐHCQ0144	Marketing căn bản			2	3	2	2	2	2	2			2		2	2	2	3	3	3	3	2	2
02DHQTKD107	Kỹ năng quản trị					2		2							2	2	2	2	2	2	2	2	
ĐHCQ0170	Quản trị chất lượng						3	3	3	3			2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3
ĐHCQ0172	Quản trị đổi mới, sáng tạo				2	2							2	2	2	2	2				2	2	2
02tke310	Thống kê doanh nghiệp				2	3	3	3	3				2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3
ĐHCQ0081	Hệ thống thông tin quản lý		1		1				1				1	2		2	1			2	1	1	1
02DHQTKD111	Quản trị chiến lược			2	3	3	3	3	3				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																						
		Kiến thức										Kỹ năng										Mức tự chủ và trách nhiệm		
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.1.6	3.1.7	3.1.8	3.1.9	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.2.6	3.2.7	3.2.8	3.2.9	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	
02DHKETOAN139	Kế toán doanh nghiệp		2				2					2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
02DHTCHINH107	Thuế		2		2	2						2								2	2			
ĐHCQ0174	Quản trị học			2	2	2	2	2	2			2				2	2	2	2	2	2			
02DHQTKD127	Quản trị thương hiệu			2	3	3	3	3	3	2		3	2	2	3	2	3	3	3	3	2	2	2	
ĐHCQ0181	Quản trị nhân lực			2	3	3	3	3	3			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
ĐHCQ0179	Quản trị Marketing			2	3	3	3	3	3	2		3	2	2	3	2	3	3	3	3	2	2	2	
VI. Chuyên ngành 1: QTKD tổng hợp																								
ĐHCQ0182	Quản trị rủi ro				3	3	3	3	3			3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	
02DHQTKD103	Hành vi tổ chức					2						2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
ĐHCQ0186	Quản trị văn phòng			2	2							2			2	2	2	2	2	2	2	2	2	
ĐHCQ0173	Quản trị dự án		2	3	2		3	3	3			3	3	3	3	3	3	2	3	3	2	3	3	
02quantri421	Quản trị chi phí kinh doanh		3		3	3	3	3	3			3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
02DHQTKD106	Quản trị kinh doanh quốc tế		2	2	2		2		2		2	2			2	2	2	2	2	2	2	2	2	
ĐHCQ0159	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh		2	2	3	3	3	3	3			3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	3	3	
ĐHCQ0185	Quản trị tài chính doanh nghiệp			2	3	3	3	3	3			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
ĐHCQ0118	Khởi sự kinh doanh			2	3	3	3	3	3			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
ĐHCQ0171	Quản trị cung ứng dịch vụ			2	3	2	2	2	2	2		2	1	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	
ĐHCQ0288	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD TH I			2						2		3				2	2	2	2	2	2	2	2	

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																					
		Kiến thức									Kỹ năng									Mức tự chủ và trách nhiệm			
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.1.6	3.1.7	3.1.8	3.1.9	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.2.6	3.2.7	3.2.8	3.2.9	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4
ĐHCQ0289	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD TH 2			2					2		3				2	2	2	2	2	2	2	2	2
02DHKETOAN142	Tài chính tiền tệ				2		2	2	2	2		2				2						2	
02DHHQTKD119	Thương mại điện tử		2	2	2		2		2		2	2			3	2	2	3	3	3	2	2	2
ĐHCQ0272	Thực tập tốt nghiệp QTKD				3	3	3	3	3			3			3		3	3	3	3	3	3	3
ĐHCQ0116	Khóa luận tốt nghiệp QTKD				3	3	3	3	3			3			3		3	3	3	3	3	3	3
02DHHQTKD114	Quản trị SX và tác nghiệp			2	3	3	3	3	3			3		2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
ĐHCQ0177	Quản trị kinh doanh tổng hợp		2	2	3	3	3	3	3			3	3		3	3	3	2	2	3	2	3	3
ĐHCQ0169	Quản trị bán hàng				3	2	2	2	3			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
VII. Chuyên ngành 2: QTKD du lịch – khách sạn																							
02DHHQUANTRI150	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1									1									1			
ĐHCQ0304	Tổng quan du lịch khách sạn			2	2	2	2	2	2	2		2			2	2	2	2	2	2	2	2	2
02DHHQUANTRI154	Tài nguyên du lịch			2	3	2	2	2		2		2	1	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2
02DHHQUANTRI157	Kinh tế du lịch		1					2		2		2					2			2			2
ĐHCQ0185	Quản trị tài chính doanh nghiệp			2	3	3	3	3	3			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
ĐHCQ0178	Quản trị lễ tân khách sạn									2	2	2			2		2	2		2	2	2	
02DHHQUANTRI160	Quản trị thực phẩm đồ uống		2	2	2					3		3	2	2		3	3	2		2	2	2	2
ĐHCQ0235	Thực tập Quản trị lễ tân khách sạn									3	2				3	3	3	2		2	2	2	2

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																						
		Kiến thức										Kỹ năng										Mức tự chủ và trách nhiệm		
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.1.6	3.1.7	3.1.8	3.1.9	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.2.6	3.2.7	3.2.8	3.2.9	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	
ĐHCQ0164	Quản lý điểm đến du lịch				2	2				2		3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	3	
ĐHCQ0183	Quản trị sự kiện			2	3	2	2	2		2		2	1	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	
ĐHCQ0236	Thực tập Quản trị sự kiện và QT thực phẩm đồ uống			2	3	2	2	2		2		2	1	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	
ĐHCQ0233	Thực tập nghiệp vụ 1			3	3		3	3		3		3		2	2	2	3	2	2	3	2	3	3	
ĐHCQ0234	Thực tập nghiệp vụ 2			3	2	3	3	3		3		3		2	2	2	3	2	3	3	2	3	3	
02TANH355	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1			2						2	3				2	2	2	2	2	2	2	2	2	
02DHTANH400	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2			2						2	3				2	2	2	2	2	2	2	2	2	
ĐHCQ0236	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn			2						2	3				2	2	2	2	2	2	2	2	2	
02DHQUANTRI171	Địa lý du lịch			2	3	2	2	2		2		2	1	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	
02DHQTKD119	Thương mại điện tử		1	2	2		2			2	2	2			3	2	2	3	3	3	2	2	2	
ĐHCQ0176	Quản trị KD lữ hành				3	3	3	3		3		3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
02DHQUANTRI177	Du lịch bền vững			2	2	2	2	2	2	2		2			2	2	2	2	2	2	2	2	2	
ĐHCQ0075	Hành vi khách du lịch				2	3		2		2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	3	2	3	3	

9.5. KẾ HOẠCH THEO TỪNG NĂM HỌC : Đơn vị: Tuần

9.5.1.Chuyên ngành: QTKD tổng hợp

Năm học	Học		Thi		Nghỉ		Dự trừ	Tổng	Ghi chú
	LT	TH	HK	TN	Hè	Tết			
I	27	3	7	0	5	3	2	52	
II	37	0	7	0	5	3	2	52	
III	34	4	7	0	5	3	2	52	
IV	20	14	3	4	5	3	2	52	
Cộng	118	21	24	4	20	12	8	208	

9.5.1.Chuyên ngành: QTKD du lịch – khách sạn

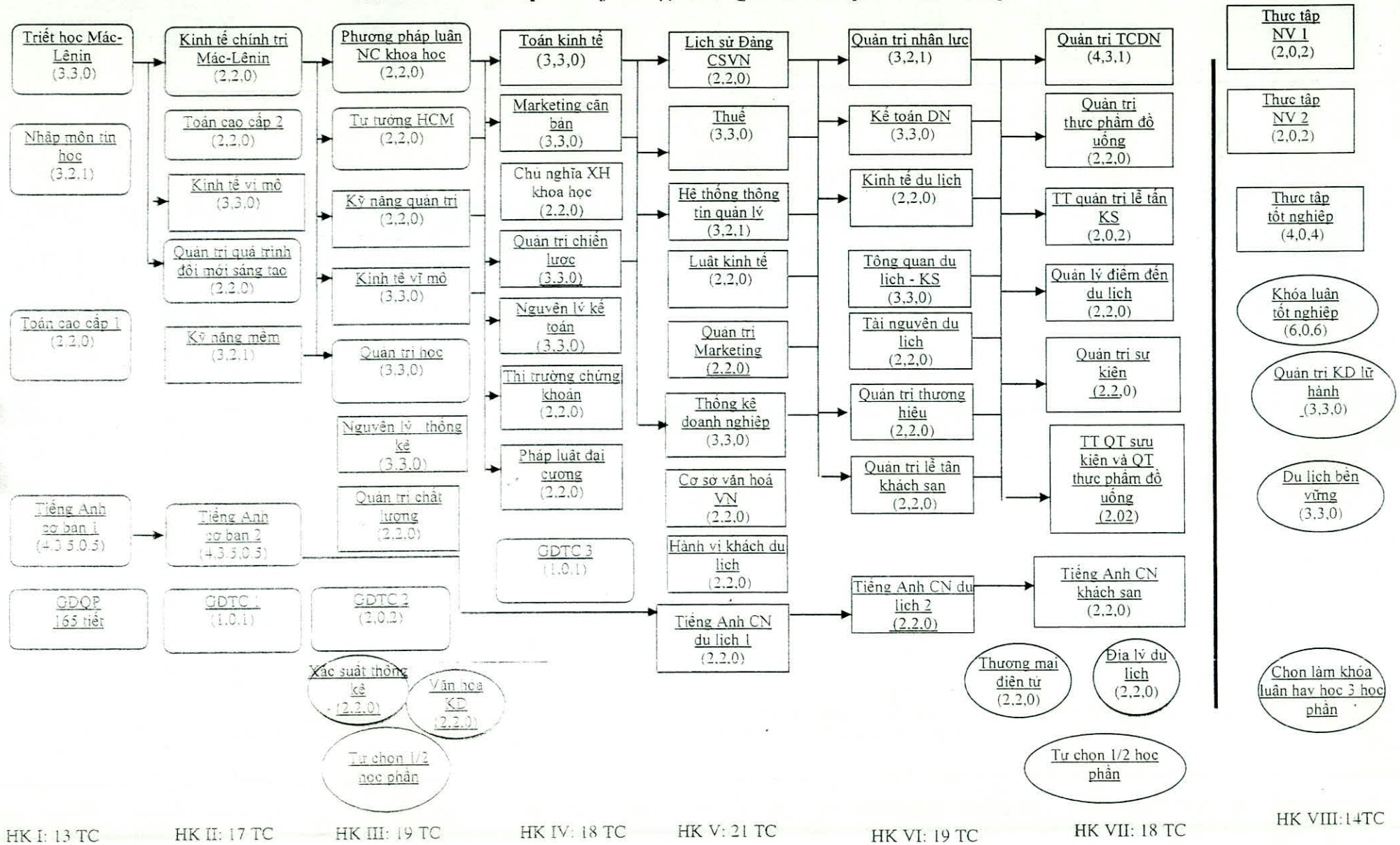
Năm học	Học		Thi		Nghỉ		Dự trừ	Tổng	Ghi chú
	LT	TH	HK	TN	Hè	Tết			
I	27	3	7	0	5	3	2	52	
II	37	0	7	0	5	3	2	52	
III	38	2	7	0	5	3	2	52	
IV	13	19	3	4	5	3	2	52	
Cộng	115	24	24	4	20	12	8	208	

9.6. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

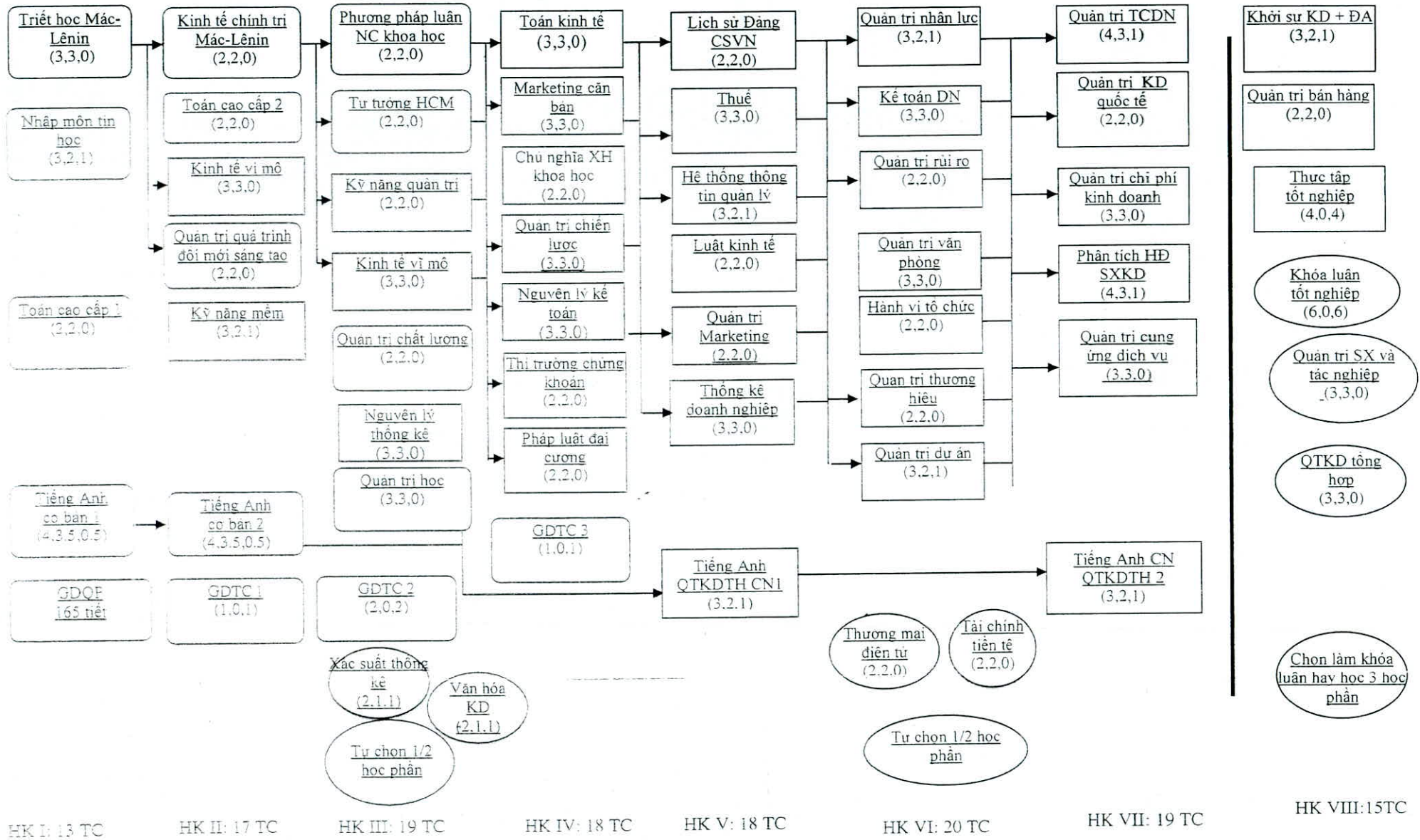
9.6.1. Tiến trình đào tạo chuyên ngành 1: QTKD du lịch – khách sạn

9.6.2. Tiến trình đào tạo chuyên ngành 2: QTKD tổng hợp

Tiến trình đào tạo chuyên ngành: QTKD du lịch – khách sạn



Tiến trình đào tạo chuyên ngành: QTKD tổng hợp



9.7. Kế hoạch thực tập

TT	Loại hình (tham quan, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp ...)	Thời gian (tuần)	Học kỳ	Địa điểm (tại trường/ngoài trường ngoài nghiệp)	Ghi chú
1	Chuyên ngành: QTKD tổng hợp	4			
	Thực tập tốt nghiệp	4	8	Ngoài trường	
2	Chuyên ngành: Quản trị du lịch - khách sạn	12			
	Thực tập quản trị lễ tân khách sạn	2	7	Ngoài trường	
	Thực tập QT sự kiện và QT thực phẩm đồ uống	2	7	Ngoài trường	
	Thực tập nghiệp vụ 1	2	8	Ngoài trường	
	Thực tập nghiệp vụ 2	2	8	Ngoài trường	
	Thực tập tốt nghiệp	4	8	Ngoài trường	
	Tổng số				

9.8. DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN DẠY HỌC TRỰC TUYẾN

TT	Tên học phần dạy học trực tuyến	Tổng số tín chỉ	Ghi chú
1	Triết học Mác-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	Lịch sử Đảng CSVN	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	Pháp luật đại cương	2	
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
8	Văn hoá kinh doanh	2	
9	Luật kinh tế	2	
10	Marketing căn bản	3	
11	Quản trị chất lượng	2	
12	Quản trị thương hiệu	2	
13	Thương mại điện tử	2	
14	Hành vi tổ chức	2	
Tổng cộng:		30	

X. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

A. Các học phần chung của ngành

10.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1. Triết học Mác – Lênin (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ Kiến thức: Hiểu biết chung về Triết học và Triết học Mác - Lênin; Hiểu biết được các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng trong triết học Mác - Lênin: Vật chất - Ý thức; các phạm trù cơ bản, các nguyên lý, các quy luật của phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức... Hiểu biết được các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong triết học Mác - Lênin: sản xuất vật chất; mối quan hệ biện chứng giữa LLSX với QHSX; mối quan hệ biện chứng giữa CSHT với KTTT, Hình thái KT - XH, Vấn đề giai cấp, dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội; mối quan hệ biện chứng giữa TTXH - YTXH; Vấn đề con người

+ Kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các quan điểm, học thuyết triết học để nhận thức và cải tạo trong hoạt động thực tiễn; Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học khác như: Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... cũng như đường lối lãnh đạo của Đảng.; Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, đóng góp cho tập thể, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn về thế giới quan và nhân sinh quan.

+ Thái độ: phân hoàn thiện thế giới quan và nhân sinh khoa học; Xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- Nội dung: Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 8 chương:

Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội

Chương 2. Vật chất và ý thức

Chương 3. Phép biện chứng duy vật

Chương 4. Lý luận nhận thức

Chương 5. Học thuyết về hình thái Kinh tế - xã hội

Chương 6. Giai cấp và Dân tộc, Nhà nước và Cách mạng xã hội

Chương 7. Ý thức xã hội

Chương 8. Triết học về con người

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin

- Mục tiêu:

+ Kiến thức:

Nắm được khái niệm, phương pháp nghiên cứu, đối tượng và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Hiểu được và phân tích được các lý luận cơ bản về hàng hoá, sản xuất hàng hoá cũng như thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Hiểu được vấn đề cơ bản nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư và tích lũy tư bản cũng như các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

Người học hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Người học phân tích được bản chất của kinh tế thị trường định hướng XHCN và quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ những kiến thức cơ bản về kinh tế, hiểu và nắm vững các chủ trương đường lối của Đảng trong công cuộc đổi mới, trong quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

+ *Kỹ năng*

Hiểu được các vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng XHCN, cách mạng công nghiệp và hội nhập quốc tế

Xác định trách nhiệm công dân của mình trong việc tham gia các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp ra trường.

+ *Thái độ*

Sự yêu thích, hứng thú với môn học.

Ý thức tích cực, tự giác, thường xuyên tìm hiểu, vận dụng kiến thức đã học vào phân tích vấn đề kinh tế, xã hội có liên quan.

- Nội dung: Căn cứ mục tiêu chương trình đào tạo, học phần chia thành 05 chương:

Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT Mác - Lênin

Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xhcn và hội nhập kinh tế của Việt Nam

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi người học học xong các học phần Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác- Lênin

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức*: Người học nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin; Hiểu và phân tích được khái niệm, đặc điểm của giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Hiểu và phân tích được các đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Hiểu, phân tích được vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Người học nắm được cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Người học

hiểu được phân đề tôn giáo, phân tích được vấn đề tôn giáo trong thời kỳ XHCN và mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

+ *Kỹ năng*: Phân tích được các quan điểm, đặc điểm, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và vận dụng những tri thức trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

+ *Thái độ*: Sự yêu thích, hứng thú với môn học, Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXHKH và nền tảng tư tưởng của Đảng; Có ý thức tự giác, thường xuyên tìm hiểu, vận dụng những kiến thức đã học vào xem xét, giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan.

- *Nội dung*:

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học

Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu: Trình bày được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá lãnh đạo của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hiểu được sự hình thành, bổ sung và phát triển đường lối của Đảng qua các thời kỳ cách mạng

Phân tích sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, và đường lối lãnh đạo của Đảng từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội Chủ nghĩa. Vận dụng kiến thức Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu nước, niềm tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng. Tự hào đối với Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- *Nội dung*: Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975);

Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay) Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiến trình học tập, cuộc sống.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Người học phải học xong các học phần Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác– Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Mục tiêu

+ Kiến thức

Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

Hiểu và phân tích được TTHCM về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

Hiểu và phân tích được sự sáng tạo của Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và TTHCM về xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;

Phân tích và vận dụng được TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay;

Hiểu, phân tích, vận dụng được TTHCM về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người.

+ Kỹ năng

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết trong thực tiễn đời sống, học tập

+ Thái độ

Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội;

Nhận thức được vai trò, giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam;

Thấy được trách nhiệm của bản thân trong học tập rèn luyện để góp phần vào xây dựng bảo vệ Tổ quốc

Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Nội dung: Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng công sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người

6. Pháp luật đại cương (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ Kiến thức:

Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm bắt một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng của nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật lao động.

+ Kỹ năng:

Hình thành các kỹ năng tự nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành.

Đễ dàng tiếp cận với các môn học khác có liên quan đến pháp luật.

Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn.

+ Thái độ:

Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật. Xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của mỗi sinh viên.

Hình thành ý thức và thói quen xử sự phù hợp với quy định của pháp luật. Biết lựa chọn những hành vi đúng đắn trong các mối quan hệ xã hội cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

- Nội dung: Học phần gồm 8 chương. 3 chương đầu là phần mở đầu giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận cơ bản nhất, đồng thời nhằm nâng cao ý thức công dân trong việc tuân thủ pháp luật.

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật.

Chương 2: Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật.

Chương 3: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Các ngành luật cụ thể được thể hiện ở 5 chương còn lại, trình bày tương đối chi tiết và có hệ thống về một số ngành luật cơ bản như luật Hiến pháp, luật hành chính, luật lao

động, luật dân sự, luật hình sự. Nội dung của các ngành luật đó được gắn với quyền và nghĩa vụ công dân giúp sinh viên tiếp cận trực tiếp với đời sống thực tiễn của pháp luật.

Chương 4. Luật Hiến pháp Việt Nam.

Chương 5: Luật hành chính Việt Nam.

Chương 6. Luật lao động và bảo hiểm xã hội.

Chương 7: Luật dân sự và luật tố tụng dân sự.

Chương 8: Luật hình sự và luật tố tụng hình sự.

7. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ Kiến thức: Trang bị một số kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; Hiểu được cách chọn lựa đề tài nghiên cứu, giới hạn vấn đề - phạm vi nghiên cứu, lập đề cương chi tiết, lên kế hoạch trước khi bắt tay vào triển khai nghiên cứu; các bước thực hiện công trình hay đề tài nghiên cứu khoa học; Hiểu được các Phương pháp thu thập và xử lý thông tin phục vụ cho nghiên cứu; Hiểu được cách thức viết, trình bày bản báo cáo kết quả nghiên cứu - Đặc biệt là các tiểu luận, đề án, luận văn tốt nghiệp; Hiểu được một số nội dung của đạo đức khoa học.

+ Kỹ năng: Kỹ năng vận dụng các kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học vào học tập và thực tiễn; Rèn một số kỹ năng thực hành trong phương pháp nghiên cứu khoa học như: Phương pháp mô tả, kỹ năng điều tra bằng bảng câu hỏi; . Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, đóng góp cho tập thể, thảo luận, thuyết trình vấn đề trong nghiên cứu.

+ Thái độ: Góp phần hoàn thiện thế giới quan khoa học; Hình thành lòng ham hiểu biết về nghiên cứu khoa học; Hình thành thái độ nghiêm túc, tư duy linh hoạt, sáng tạo; Hình thành tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực vận dụng khoa học nghiên cứu

- Nội dung: Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1. Khoa học và Nghiên cứu khoa học

Chương 2. Đề tài nghiên cứu khoa học

Chương 3. Tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Chương 4: Các phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Chương 5. Trình bày luận điểm khoa học

Chương 6. Đạo đức khoa học

8. Tiếng Anh cơ bản 1 (4; 3,5; 0,5)

- Điều kiện tiên quyết: không

- Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: từ vựng và cấu trúc ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày.

** Kiến thức:*

- Phần từ vựng, ngữ pháp: Sinh viên được học các thì tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; should, must/mustn't, needn't/don't have to; mạo từ; lượng từ; giới từ; các cấu trúc câu: so sánh, there is/are; các liên từ (while, as, when). Sinh viên được học các cụm từ thông dụng trong các bối cảnh khác nhau, các chủ đề quen thuộc: sở thích, miêu tả người, cảm nhận, tả cảnh, thời tiết, phim, chương trình truyền hình...

- Phần ngữ âm: Sinh viên được học các nguyên âm, cách phát âm các âm cuối của động từ ngôi thứ 3 số ít, động từ quá khứ theo quy tắc, bất quy tắc, và một số các âm riêng lẻ; Sinh viên làm quen và luyện tập trọng âm từ, trọng âm câu.

- Sinh viên được luyện tập kỹ năng đọc hiểu đối với các dạng bài khác nhau với các chủ đề quen thuộc với cuộc sống hàng ngày.

- Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nghe hiểu qua các bài hội thoại, phỏng vấn, độc thoại...

- Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nói hội thoại, độc thoại, trình bày về bản thân, miêu tả tranh, tả một người quen, cho lời khuyên ...

** Kỹ năng:*

- Sinh viên hiểu và làm quen với các thì được học trong tiếng Anh. Sinh viên sử dụng được các từ vựng liên quan đến một số chủ đề nhất định và có thể hiện sự cố gắng khi diễn đạt các chủ đề đã học;

- Sinh viên có khả năng đọc hiểu và nắm được ý các bài đọc ngắn liên quan đến các chủ đề quen thuộc, trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được đề cập trong bài đọc.

- Sinh viên có thể giới thiệu các thông tin cơ bản về bản thân, trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc đã được học; Sinh viên có chú ý đến cách phát âm các từ đơn lẻ.

- Sinh viên có thể hiểu được ý chính trong các hội thoại giao tiếp quen thuộc hằng ngày, xác định được chủ đề của các hội thoại khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

- Sinh viên có khả năng viết miêu tả bản thân, viết một bức thư đơn giản mời ai đó tham gia một hoạt động cùng mình, sử dụng các mẫu câu đơn giản, từ ngữ quen thuộc.

- Nội dung học phần: Sinh viên hiểu được cách sử dụng và phân biệt được các thì cơ bản của động từ tiếng Anh bao gồm thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, biết sử dụng các dạng so sánh của tính từ, biết sử dụng mạo từ, các từ chỉ số lượng. Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ bao gồm các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, v.v để trình bày quan điểm cá nhân, miêu tả người,

phong cảnh hay thời tiết, thực hiện các bài hội thoại, viết một đoạn văn ngắn...; có thể dịch được những đoạn văn ngắn sang tiếng Anh hoặc ngược lại.

Các kỹ năng. Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được tích hợp trong các bài giảng theo giáo trình

Học phần gồm 5 bài, trong đó có một bài giới thiệu mở đầu

9. Tiếng Anh cơ bản 2 (4; 3,5; 0,5)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần Tiếng Anh cơ bản 1.

- Mục tiêu của học phần

* Kiến thức

- Phần từ vựng, ngữ pháp: Tiếp tục giới thiệu các thì trong tiếng Anh như hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, so sánh giữa các thì trong tiếng Anh; Giới thiệu và nâng cao các cấu trúc phức trong tiếng Anh, các câu điều kiện loại I, II, câu gián tiếp; câu hỏi gián tiếp...

- Phần ngữ âm: Phân biệt cách phát âm các nguyên âm, phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu.

- Sinh viên được luyện tập kỹ năng đọc hiểu đối với các dạng bài khác nhau với các chủ đề khác nhau trong bài học.

- Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nghe hiểu qua các bài học ở trên lớp với các chủ đề đã được hướng dẫn trong phần ngữ pháp, từ vựng.

- Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nói trao đổi và tranh luận về các chủ đề quen thuộc với lượng từ vựng đa dạng, phong phú hơn, sử dụng linh hoạt hơn

* Kỹ năng

- Sinh viên hiểu và sử dụng một cách chủ động các thì được học trong tiếng Anh. Sinh viên nắm được các từ vựng liên quan đến một số chủ đề nhất định và có thể hiện sự cố gắng khi diễn đạt các chủ đề đã học; Sinh viên có thể sử dụng các cấu trúc câu được học một cách chủ động, biết cách áp dụng các từ vựng sát với chủ đề.

- Sinh viên có khả năng đọc hiểu và nắm được ý các bài đọc liên quan đến các chủ đề quen thuộc, nắm bắt được ý chính, trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được đề cập trong bài đọc.

- Sinh viên có thể giới thiệu trôi chảy về bản thân, trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc đã được học; Biết vận dụng các từ nối đã học khi nói. Sinh viên có chú ý đến cách phát âm các từ đơn lẻ và đôi khi có để ý đến trọng âm câu.

- Sinh viên có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày, xác định được chủ đề của các hội thoại khi được diễn đạt chậm và rõ ràng, có thể hiểu được ý chính trong các hướng dẫn chỉ đường, thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản.

- Sinh viên có khả năng viết miêu tả bản thân, miêu tả bức ảnh mình yêu thích, viết thư cảm ơn (informal), miêu tả nơi mình ở.

- Nội dung học phần:
- Học phần gồm 5 đơn vị bài học về các chủ điểm: Nghề nghiệp, du lịch, tiền tệ, tội phạm và khoa học.
- Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:
- + Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên về các thời của động từ như đã học trong tiếng Anh cơ bản 1, và một số thời khác như: hiện tại hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp thêm về thể bị động, lời nói gián tiếp, câu điều kiện loại 2 trong tiếng Anh, và các cấu trúc được sử dụng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.
- + Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học.
- + Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

10. Toán cao cấp 1 (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mục tiêu của học phần:
- * Kiến thức:
- Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức về phép tính giải tích hàm số một biến số và phép tính giải tích hàm số nhiều biến số.
- * Kỹ năng:
- Tính được giới hạn của dãy số, áp dụng quy tắc L'Hospital tính được giới hạn của hàm số, giải được bài toán xét sự hội tụ của chuỗi số, tìm tập hội tụ của chuỗi lũy thừa, tính được đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số nhiều biến số, tính được cực trị của hàm số nhiều biến số, giải được bài toán tính tích phân hai lớp, ba lớp, tính tích phân đường
- Nâng cao năng lực tư duy toán học, rèn luyện tính linh hoạt, sáng tạo và khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn.
- * Thái độ:
- Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học.
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.
- Nội dung học phần:
- Học phần gồm các nội dung: phép tính giải tích hàm số một biến số, bao gồm giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân hàm một biến, tích phân xác định, tích phân suy rộng, chuỗi; phép tính giải tích hàm số nhiều biến số: bao gồm đạo hàm riêng, vi phân, tích phân hai lớp, tích phân ba lớp, tích phân đường .

11. Toán cao cấp 2 (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong Toán cao cấp 1
- Mục tiêu của học phần:

* Kiến thức:

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về: Phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng - vectơ riêng

* Kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng giải phương trình vi phân cơ bản, thực hiện các phép toán ma trận, tìm được định thức, giải hệ phương trình tuyến tính. Sinh viên giải được bài toán chứng minh không gian vectơ, tìm tọa độ của vectơ trong cơ sở, chứng minh ánh xạ tuyến tính và các bài toán liên quan, tìm được vectơ riêng, giá trị riêng của ma trận và của ánh xạ tuyến tính; tìm được ma trận làm chéo hoá ma trận đã cho.

- Nâng cao năng lực tư duy toán học, rèn luyện tính linh hoạt cho sinh viên, tạo tiền đề cho sự phát triển khả năng sáng tạo

* Thái độ

- Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học Toán cao cấp 2.
- Sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu.
- Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.
- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức về: phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng và vectơ riêng của ma trận- ánh xạ tuyến tính, chéo hoá ma trận.

12. Nhập môn tin học (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức:

+ Hiểu được các khái niệm cơ bản trong tin học, các tính năng cơ bản của hệ điều hành Windows; Internet;

+ Hiểu được các khái niệm cơ bản trong việc trình bày văn bản và các công cụ trong phần mềm Microsoft Word để soạn thảo văn bản;

+ Nắm được các khái niệm cơ bản trong việc trình bày bảng tính, quản lý dữ liệu trong bảng tính và áp dụng được các công cụ của Microsoft Excel để tạo lập và truy xuất dữ liệu trên bảng tính.

+ Nắm được các khái niệm cơ bản trong trình bày báo cáo và áp dụng được các công cụ trong phần mềm Microsoft PowerPoint để trình bày báo cáo.

Học phần hình thành các kỹ năng:

+ Hình thành kỹ năng sử dụng máy tính: quản lý các tài liệu thông tin lưu trữ trong máy tính;

+ Vận dụng được một số kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy tính để tra cứu thông tin, truyền thông tin thông qua sử dụng các dịch vụ internet, email;

+ Thành thạo các kỹ năng cơ bản về tạo lập và trình bày văn bản, bảng tính và báo cáo.

+ Áp dụng được các công cụ để trình bày văn bản có tính mỹ thuật, trình bày và truy xuất dữ liệu trong bảng tính có hiệu quả, trình bày báo cáo khoa học.

- Nội dung học phần:

+ Trình bày các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông. Kỹ năng hoạt động với môi trường Window và khai thác sử dụng các dịch vụ trên Internet.

+ Giới thiệu về các thuật ngữ và khái niệm trong tin học, cách biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử;

+ Trình bày các khái niệm về soạn thảo văn bản, các tính năng của các công cụ trong phần mềm Microsoft Word để soạn thảo văn bản.

+ Giới thiệu bảng tính Excel; trình bày cách sử dụng các hàm tính toán, xử lý cơ sở dữ liệu cơ bản và trình bày bảng tính trong Microsoft Excel.

+ Các khái niệm về Microsoft PowerPoint, cách sử dụng các công cụ trong phần mềm để thiết kế, tạo lập file trình chiếu.

13. Xác suất thống kê (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Đã học xong các học phần Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2.

- Mục tiêu của học phần:

* Kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán.

* Kỹ năng:

Tính được xác suất bằng định nghĩa cổ điển và các định lý cơ bản của xác suất, từ đó áp dụng vào các bài toán thực tế. Biết cách lập bảng phân phối xác suất, hàm phân phối xác suất, tính toán thành thạo các tham số đặc trưng như kỳ vọng, phương sai. Biết cách tìm hàm mật độ, biết cách tính xác suất của biến ngẫu nhiên thông qua hàm mật độ, hàm phân phối, qua đó áp dụng vào các bài toán thực tế cụ thể. Tính toán thành thạo các tham số đặc trưng của mẫu: kỳ vọng mẫu, phương sai mẫu.

Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng toán học để học tập và nghiên cứu các môn học liên quan, có khả năng vận dụng giải quyết các bài toán trong chuyên ngành và thực tiễn.

* Thái độ:

Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học Toán xác suất thống kê, sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu, hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Nội dung học phần:

+ Lý thuyết xác suất: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất của chúng.

+ Thống kê. Tổng thể nghiên cứu, mẫu ngẫu nhiên, thống kê, các thống kê đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên.

14. Văn hóa kinh doanh (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

Mục tiêu

+ Kiến thức:

- Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về văn hoá và văn hoá kinh doanh cũng như những vấn đề lý luận cơ bản của các yếu tố cấu thành nên văn hoá kinh doanh.

- Hiểu được biểu hiện của văn hoá kinh doanh tại một chủ thể kinh doanh cụ thể - doanh nghiệp để hình thành nên văn hoá doanh nghiệp. Qua đó, thấy rằng văn hoá kinh doanh là một nhân tố có ảnh hưởng rất quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

- Hiểu được vấn đề cơ bản về Triết lý kinh doanh, vai trò và cách thức xây dựng triết lý kinh doanh trong Doanh nghiệp.

- Người học hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về Đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp: Khái niệm, vai trò, nhân tố cấu thành và những biểu hiện cụ thể.

- Người học phân tích được vai trò của yếu tố văn hoá doanh nhân trong hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Người học hiểu rõ vai trò, yếu tố quan trọng và tác động của Văn hoá doanh nghiệp trong toàn bộ hoạt động của Doanh nghiệp.

- Người học phân tích và hiểu rõ những biểu hiện của văn hoá ứng xử, cách xây dựng văn hoá ứng xử trong Doanh nghiệp.

- Người học liên hệ kiến thức về Văn hoá kinh doanh với thực tiễn vấn đề này trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

+ Kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức đã học được để phân tích tác động, vai trò của văn hoá kinh doanh trong mọi hoạt động của doanh nghiệp đặc biệt là văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp.

- Rèn luyện được những kỹ năng để tổ chức ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hoá kinh doanh trong quá trình tham gia các hoạt động kinh doanh, góp phần làm cho hoạt động kinh doanh đạt kết quả cao và phát triển bền vững.

+ Thái độ:

- Sinh viên yêu thích, hứng thú học tập môn văn hoá kinh doanh.

- Sinh viên ý thức thật sâu sắc vai trò của văn hoá trong hoạt động kinh doanh để nghiêm túc tạo dựng, phát triển và duy trì các giá trị văn hoá khi tham hoạt động sản xuất kinh doanh trong thực tiễn.

- Nội dung: Căn cứ mục tiêu chương trình đào tạo, học phần chia thành 06 chương:

Chương 1: Tổng quan về văn hoá kinh doanh

Chương 2: Triết lý kinh doanh

Chương 3: Đạo đức kinh doanh

Chương 4: Văn hoá doanh nhân

Chương 5: Văn hoá doanh nghiệp

Chương 6: Văn hoá ứng xử trong các hoạt động kinh doanh

15. Kỹ năng mềm (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu: + Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thành công trong học tập, cuộc sống cũng như trong công việc. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn hơn về sự cần thiết của các kỹ năng mềm, phương pháp hình thành và rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng quản lý bản thân; kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề.

+ Biết vận dụng các kiến thức đã học để quản lý hiệu quả bản thân; phương pháp làm việc phối hợp khi tham gia làm việc nhóm; vận dụng được phương pháp thuyết trình vào học tập và công việc; vận dụng được các kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tế.

+ Có ý thức đúng đắn trong nhìn nhận, đánh giá để thay đổi suy nghĩ, hành vi, thái độ để từ đó có lối sống, học tập tích cực; Có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; Có khả năng thích ứng trong môi trường học tập và làm việc đa văn hóa.

- Nội dung: Học phần gồm 5 chương, chương 1 giới thiệu tổng quát về kỹ năng mềm. 4 chương còn lại cung cấp các kiến thức và hướng dẫn rèn luyện một số kỹ năng cơ bản cho người học, như: kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề. Những kiến thức và kỹ năng rèn luyện được sẽ đặt nền tảng giúp sinh viên có thể học tập hiệu quả hơn trong các học phần sau.

16. Giáo dục thể chất

Giáo dục thể chất 1 (1,0,1) - Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: - Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 1 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC hệ phổ thông trung học và trung học cơ sở.

- Mục tiêu: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển; những kiến thức cơ bản về: nguyên lý và thực hành kỹ thuật, phương pháp tổ chức tập luyện, trọng tài môn điền kinh phát triển các tố chất thể lực trong quá trình học tập rèn luyện và lao động nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Nội dung học phần: Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Điền kinh. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện điền kinh. Các kỹ thuật cơ bản của chạy cự ly 100 mét, 400m và 800m. Phương pháp tổ chức tập luyện và thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

Người học nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về phương pháp tập luyện thể dục thể thao, các quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động và sự phát triển các tố chất thể lực, giáo dục đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật để không ngừng phát triển con người cân đối toàn diện, nâng cao hiệu quả học tập và thực hành tay nghề.

- Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao Điền Kinh.

Giáo dục thể chất 2 (2,0,2) - Cầu lông

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 2 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC hệ phổ thông trung học và trung học cơ sở, sau khi học xong chương trình Giáo dục thể chất 1.

Mục tiêu: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển, những kiến thức cơ bản về nguyên lý và thực hành kỹ thuật, phương pháp tổ chức tập luyện, trọng tài môn cầu lông; phát triển các tố chất thể lực trong quá trình học tập rèn luyện và lao động nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Nội dung học phần: Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, giao cầu, đánh cầu thấp tay phải, trái, cao tay phải trái, đánh cầu cao sâu, đập cầu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

Giáo dục thể chất 3 (1,0,1) - Bóng rổ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 3 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC sau khi học xong chương trình Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2.

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức về lý thuyết Bóng rổ và nắm được Luật Bóng rổ cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng rổ để rèn luyện bản thân.

- Nội dung học phần: Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng rổ. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng rổ. Luật Bóng rổ. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, dẫn bóng, chuyền - bắt bóng, ném rổ 1 tay trên cao. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

17. Giáo dục quốc phòng, an ninh (165 tiết)

MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN I

1. Tên học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Loại học phần: Lý thuyết

3. Tổng số tín chỉ: Học phần có 45 tiết = 3 DVHT (03 tín chỉ LT)

4. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

5. Mục tiêu của học phần:

5.1. Kiến thức: Trang bị một số kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng ta; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, nghệ thuật quân sự Việt Nam; một số quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam,

chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; về kết hợp phát triển kinh tế- xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh.

5.2. Kỹ năng: Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu giáo trình GDQP, AN và thực hành thu thập các thông tin, tài liệu khác trên mạng.

5.3. Thái độ: Bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay khi đang học, rèn luyện trong Nhà trường và ở môi trường công tác tiếp theo.

6. Nội dung học phần: Học phần đề cập những nội dung cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN II

1. Tên học phần: Công tác quốc phòng an ninh

2. Loại học phần: Lý thuyết

3. Tổng số tín chỉ: Học phần có 30 tiết = 2 ĐVHT (02 tín chỉ LT)

4. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

5. Mục tiêu của học phần:

5.1. Kiến thức: Trang bị một số kiến thức cơ bản về công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh; về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng; những vấn đề cơ bản phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, an toàn thông tin trên mạng; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh ở Việt Nam.

5.2. Kỹ năng: Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu giáo trình GDQP, AN và thực hành thu thập các thông tin, tài liệu khác trên mạng.

5.3. Thái độ: Bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay khi đang học, rèn luyện trong Nhà trường và ở môi trường công tác tiếp theo.

6. Nội dung học phần: Học phần đề cập những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN III

1. Tên học phần: Quân sự chung

2. Loại học phần: Lý thuyết và thực hành

3. Tổng số tín chỉ: Học phần 30 tiết (tương đương 1,5 tín chỉ); trong đó: 14 tiết LT + 16 tiết TH

4. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

5. Mục tiêu của học phần

5.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần và các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội trong doanh trại; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội, điều lệnh đội ngũ; bản đồ địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và ba môn quân sự phối hợp.

5.2. Kỹ năng: Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu kiến thức quân sự chung và biết thực hành điều lệnh đội ngũ, ba môn quân sự phối hợp.

5.3. Thái độ: Bồi dưỡng nhân cách, nâng cao phẩm chất, năng lực và ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc các quy định trong học tập và rèn luyện.

6. Nội dung học phần: Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức quân sự chung.

MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN IV

1. Tên học phần: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

2. Loại học phần: Lý thuyết và thực hành

3. Tổng số tín chỉ: Học phần 60 tiết (tương đương 2 tín chỉ); trong đó: 04 tiết LT + 56 tiết TH

4. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

5. Mục tiêu của học phần:

5.1. Kiến thức: Trang bị kiến thức và rèn luyện cho sinh viên về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; Từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu tiến phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

5.2. Kỹ năng: Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu kiến thức quân sự chung và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu tiến phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

5.3. Thái độ: Bồi dưỡng ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về thao trường và đảm bảo an toàn về người, vũ khí trang bị trong quá trình học tập, rèn luyện.

6. Nội dung học phần: Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

10.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

10.2.1. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

18. Kinh tế vi mô (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Triết học Mác – Lênin

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế học thực chứng, kinh tế học chuẩn tắc cũng như các quy luật kinh tế cơ bản. Nắm được khái niệm cung cầu hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu hàng hoá cũng như mối quan hệ giữa giá và lượng của cung cầu hàng hoá. Ngoài ra sinh viên còn biết lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng, của doanh nghiệp và cấu trúc của thị trường.

- Nội dung học phần:

Chương 1: Nhập môn kinh tế vi mô

Chương 2: Cung cầu và thị trường hàng hoá

Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng

Chương 4: Lý thuyết lựa chọn của doanh nghiệp

Chương 5: Thị trường – cạnh tranh và độc quyền

19. Kinh tế vĩ mô (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô

- Mục tiêu: Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, kỹ năng đánh giá và phân tích các hiện tượng và các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với sự vận hành của nền kinh tế và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô, làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này, và giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

- Nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung chủ yếu: Tổng cung, tổng cầu của nền kinh; Các chỉ tiêu hạch toán tổng sản phẩm quốc dân; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Chính sách tài khoá; Mô hình IS-LM; Lạm phát, thất nghiệp; Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

20. Nguyên lý thống kê (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Xác suất thống kê.

- Mục tiêu: Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê, các phương pháp chuyên môn của thống kê. Qua đó, nhằm thu thập số liệu, tính toán tổng hợp số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu đó trong điều kiện thời gian và không gian nhất định nhằm chỉ ra bản chất, tính quy luật và dự báo các mức độ của các hiện tượng trong tương lai.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thống kê: Nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế xã hội; Các phương pháp điều tra chọn mẫu; Ứng dụng các loại số dùng trong đánh giá thống kê, đánh giá thống kê dãy số thời gian, các phương pháp dự đoán

thông kê ngắn hạn thường dùng. Xây dựng chỉ số, hệ thống chỉ số, vận dụng vào phân tích ảnh hưởng cụ thể biến động của các chỉ tiêu.

21. Nguyên lý kế toán 3(3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- Mục tiêu: Nguyên lý kế toán trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán. Môn học giúp người học thuộc khối kinh tế đạt hiểu biết chung về hệ thống kế toán, quy trình hoạt động kế toán. Từ đó, người học có thể phối hợp hoạt động trên hệ thống thông tin của doanh nghiệp, đồng thời nhận định tình hình tài chính, kinh doanh của tổ chức thông qua một số tỷ số kế toán cơ bản.

- Nội dung học phần: Học phần đề cập đến các vấn đề: các khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu vào một loại hình đơn vị cụ thể.

22. Quản trị học 3(3,0):

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kỹ năng quản trị

- Mục tiêu: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị trong tổ chức như công tác hoạch định, công việc của tổ chức, tiến hành điều khiển và kiểm tra. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cốt lõi: hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức.

- Nội dung học phần: Quản trị học cung cấp cho người học những chức năng và kỹ năng quản trị để thực hiện các hoạt động trong một tổ chức nhằm kết hợp các hoạt động cá nhân riêng lẻ với nhau trong một tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những tác động của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức ảnh hưởng đến việc lựa chọn đến việc ban hành quyết định hiệu quả của của một tổ chức. Thông tin được coi là giữ liệu đầu vào giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định. Chức năng của quản trị học bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra được coi là nguyên lý căn bản được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản trị.

23. Thị trường chứng khoán (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

- Mục tiêu: Môn học trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về thị trường chứng khoán như tổng quan về thị trường chứng khoán, hàng hóa giao dịch trên thị trường, và cơ chế hoạt động và giao dịch của sở giao dịch chứng khoán để giúp học viên hiểu rõ được các hoạt động trên thị trường. Đồng thời, các phương pháp phân tích và các chỉ tiêu tài chính cơ bản được đề cập trong môn học để giúp học viên hiểu và thực hiện được các phân tích cơ bản trong nội dung phân tích chứng khoán.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc hoạt động của thị trường vốn trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

24. Luật kinh tế (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn tất học phần Pháp luật đại cương.

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức*: Môn học cung cấp cho sinh viên những quy định cơ bản của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản như những vấn đề khái quát chung nhất về Luật kinh tế; hiểu và phân tích được địa vị pháp lý của các doanh nghiệp được pháp luật thừa nhận; hiểu và phân tích được các vấn đề về hợp đồng thương mại; nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp cũng như thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại; hiểu và phân tích được các dấu hiệu của một doanh nghiệp bị phá sản cũng như thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp bị phá sản.

+ *Kỹ năng*: Vận dụng các quy định của pháp luật vào để giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tế và đánh giá tác động của các quy định pháp luật đó và thực tiễn kinh doanh.

+ *Thái độ*: Sinh viên chủ động, tích cực trong việc học tập môn học để tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- Nội dung: Nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh hiện nay như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Học phần gồm 5 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về luật kinh tế.

Chương 2: Pháp luật về doanh nghiệp.

Chương 3: Pháp luật về hợp đồng.

Chương 4: Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại.

Chương 5: Pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

25. Toán kinh tế (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần toán cao cấp, học phần Kinh tế vi mô.

-Mục tiêu: Học phần cung cấp kỹ năng trong việc vận dụng các kiến thức của Toán cao cấp, Xác suất thống kê và kinh tế học vào việc. xây dựng và phân loại các mô hình toán kinh tế.

Đồng thời, giúp người học có kỹ năng trong việc vận dụng các kiến thức toán vào việc chứng minh tính đúng đắn và sự tồn tại nghiệm của mô hình.

- Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng phương pháp thống kê toán, mô hình hóa các quá trình kinh tế, các công cụ và phương tiện tính toán hiện đại nhằm giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế và trong thực tiễn của sản xuất.

26. Marketing căn bản: (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Kinh tế vi mô, vĩ mô
- Mục tiêu học phần: Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản nhất về khoa học marketing, bản chất các công cụ marketing hỗn hợp. Sau khi học xong học phần sinh viên biết vận dụng những kiến thức đó để hình thành và thông qua các quyết định marketing; liên hệ những vấn đề lý thuyết Marketing với thực tiễn kinh doanh ở Việt Nam.

- Nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về Marketing, bao gồm các khái niệm, các nội dung, quy trình hoạt động marketing trong các tổ chức như: vai trò, chức năng của hoạt động marketing; môi trường marketing và nghiên cứu marketing; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu; triển khai các chiến lược marketing hỗn hợp trong sản phẩm vật chất và dịch vụ (Marketing mix và 4C) ,... Học phần cung cấp kiến thức tiền đề để nghiên cứu chuyên sâu các môn học chuyên ngành kinh tế.

27. Kỹ năng quản trị (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần kỹ năng mềm
- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó giúp người học phát triển các kỹ năng cốt yếu của nhà quản trị tương lai và vận dụng vào hoạt động thực tế sau khi tốt nghiệp ra trường

- Nội dung của học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp như tổng quan về nghề quản trị, các kỹ năng cơ bản của nhà quản trị; Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh; Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh; Kỹ năng giải quyết vấn đề và quản trị xung đột; Kỹ năng phân quyền và ủy quyền,...

10.2.2. KIẾN THỨC CHUNG CỦA NGÀNH

28. Quản trị chất lượng (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần: Quản trị học.
- Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản trị chất lượng, giúp cho người học có thể nhận biết, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho các vấn đề chất lượng có trong doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nội dung học phần: Môn học cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương

pháp quản lý chất lượng toàn diện - TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp: Quản lý nhà nước về chất lượng

29. Quản trị đổi mới sáng tạo (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.
- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan cơ bản về đổi mới sáng tạo, quản trị đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, thương mại hóa đổi mới sáng tạo. Từ đó hình thành và áp dụng tư duy đổi mới sáng tạo trong giải quyết các tình huống thực tế. Phân tích và đề xuất được ý tưởng đổi mới sáng tạo và kế hoạch chiến lược sơ bộ thực hiện ý tưởng đó.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết căn bản về đổi mới sáng tạo, quản trị đổi mới sáng tạo theo quá trình. Đồng thời phân tích vai trò của đổi mới sáng tạo đối với hoạt động kinh doanh và các mô hình đổi mới sáng tạo. Chiến lược đổi mới sáng tạo, lựa chọn được các chiến lược đổi mới để đạt mục tiêu. Thiết kế và phát triển sản phẩm để đổi mới sáng tạo ... từ đó biết hiện thực hóa ý tưởng của mình một cách khoa học.

30. Thống kê doanh nghiệp (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý thống kê
- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cần thiết về thống kê các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp từ đó giúp người học phát triển các kỹ năng cứng và kiến thức chuyên ngành như kỹ năng thu thập tài liệu, tổng hợp, phân tích, tính toán, dự đoán, kỹ năng ra quyết định... đồng thời vận dụng vào thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn có thể ứng dụng để thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thống kê lao động - tiền lương, thống kê tài sản cố định, thống kê giá thành, thống kê hiệu quả kinh doanh,... của doanh nghiệp.

31. Hệ thống thông tin quản lý (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Để học học phần này sinh viên phải học xong học phần Nhập môn tin học.

- Mục tiêu:

Kiến thức

+ Hiểu vững các khái niệm, vai trò của các loại hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm và phương pháp quản lý phần cứng, phần mềm, dữ liệu, mạng truyền thông, Internet;

+ Hiểu rõ các phương pháp xây dựng, triển khai HTTT quản trị và tác động đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp;

+ Hiểu rõ các khả năng ứng dụng CNTT quản trị trong các hoạt động của doanh nghiệp ở cả ba cấp chiến lược, chiến thuật, và tác nghiệp.

Kỹ năng

+ Phân tích được một bài toán quản lý;

+ Sử dụng được các công cụ phân tích để xây dựng được các CNTT quản lý điển hình.

Thái độ

+ Hình thành tinh thần cẩn thận trong giải quyết vấn đề;

+ Hình thành kỹ năng làm việc nhóm.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những hệ thống thông tin khác nhau, cũng như phân tích và thiết kế hệ thống, tìm hiểu các giai đoạn của hệ thống thông tin và một số hệ thống cần thiết cho doanh nghiệp. Trang bị một số kỹ năng khảo sát hiện trạng xác định yêu cầu hệ thống, phân tích hệ thống về chức năng, phân tích hệ thống về dữ liệu. Từ đó, giúp sinh viên chọn được một số hệ thống thông tin thích hợp cho một doanh nghiệp nào đó, và biết được tiến trình nào doanh nghiệp cần thực hiện.

32. Quản trị chiến lược (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Marketing căn bản

- Mục tiêu: Mục tiêu của học phần là cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Quản trị chiến lược, giúp cho người học có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho các vấn đề chiến lược trong doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nội dung học phần: Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

33. Kế toán doanh nghiệp (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý kế toán.

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần Kế toán doanh nghiệp, sinh viên sẽ có được những kiến thức về kế toán tài chính trong doanh nghiệp; có cơ sở đọc hiểu BCTC của doanh nghiệp, kết nối kiến thức với các môn học khác.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tiền lương

và các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu; Báo cáo tài chính'

34. Thuế (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Pháp luật Kinh tế, Tài chính tiền tệ.

- Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong lĩnh vực thuế: bản chất, chức năng của thuế, các yếu tố cấu thành một sắc thuế, chính sách thuế và hệ thống thuế; giới thiệu các sắc thuế cơ bản nhất trong hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân...

- Nội dung học phần: học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực thuế, như: bản chất, chức năng của thuế, các yếu tố cấu thành một sắc thuế, chính sách thuế và hệ thống thuế; giới thiệu các sắc thuế cơ bản nhất trong hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... và một số khoản thu khác.

35. Quản trị Thương hiệu: (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

- Mục tiêu học phần: Học phần trang bị kiến thức về quản trị thương hiệu cho sinh viên với các kỹ thuật marketing cao cấp nhằm xây dựng phát triển và duy trì thương hiệu cho doanh nghiệp. Ngoài ra giúp học viên hiểu được các kỹ năng nhận thức, phân tích và giải quyết các tình huống kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp và thực tế nền kinh tế.

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu bao gồm quan điểm về một số vấn đề cơ bản của thương hiệu, nắm được quy trình xây dựng và bảo vệ thương hiệu. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá về các thương hiệu, cách quản trị thương hiệu để từ đó có nhận định và thái độ đúng đắn về công tác quản trị thương hiệu.

36. Quản trị nhân lực 3(2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, kỹ năng quản trị

- Mục tiêu: Mục tiêu của học phần này là phát triển khả năng của người học trong việc ứng dụng kiến thức quản trị nhân sự để thu hút, xây dựng, sử dụng, phát triển, đánh giá và bảo toàn lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu của tổ chức cả về mặt số lượng và chất lượng.

- Nội dung học phần: Học phần đề cập đến các nội dung về vai trò và tầm quan trọng của quản trị nhân sự, sự phân chia trách nhiệm nhân sự trong tổ chức, phân tích

công việc, kế hoạch hòa nguồn nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo, đãi ngộ, tuyển dụng và tạo động lực trong lao động.

37. Quản trị Marketing: (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần: Kinh tế vĩ mô; Kinh tế vi mô

- Mục tiêu học phần: Nắm bắt kiến thức cơ bản về Quản trị marketing: Quá trình quản trị marketing trong doanh nghiệp, lập kế hoạch và chiến lược marketing, quản trị hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, thực hiện các phân tích về môi trường và nguồn lực marketing, quản trị các công cụ marketing hỗn hợp, đánh giá kiểm soát và điều chỉnh hoạt động marketing trong doanh nghiệp.

Giúp người học tích hợp các kiến thức về quản trị marketing trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua việc giải quyết các tình huống quản trị marketing.

- Nội dung học phần: Học phần môn học Quản trị marketing giới thiệu các khái niệm và quan điểm về quản trị marketing, phân tích các cơ hội thị trường và tiên đoán nhu cầu thị trường, hoạch định chiến lược marketing, lập kế hoạch marketing, quản trị chiến lược marketing mix, tổ chức thực hiện các chương trình marketing, kiểm tra marketing.

10.2.3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

B. Mô tả tóm tắt các học phần theo chuyên ngành (ngành có nhiều chuyên ngành)

B1. Chuyên ngành số 1: *Quản trị kinh doanh tổng hợp*

38. Quản trị rủi ro (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kỹ năng quản trị

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp từ đó giúp người học phát triển các kỹ năng như kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá và kiểm soát rủi ro,... để từ đó vận dụng vào hoạt động thực tiễn sau khi tốt nghiệp ra trường

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức những kiến thức cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các khái niệm, nội dung, nguyên tắc, quy trình, phương pháp nhận diện, phân tích, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro.

39. Hành vi tổ chức (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có những kiến thức về diễn biến hành vi của một người khi làm việc trong nhóm và tổ chức. Sinh viên hiểu được các khái niệm tổng quan hành vi tổ chức của cá nhân, gồm: các giá trị, thái độ và thỏa mãn công việc và những quyết định của từng cá nhân trong tổ chức, tạo động lực cơ bản đối với mỗi cá nhân; hành vi tổ chức nhóm, gồm: yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến hành vi

nhóm, quyết định nhóm, làm việc nhóm hiệu quả, và văn hóa tổ chức, gồm: tác động của văn hóa đến hành vi cá nhân và nhóm, phương pháp thay đổi và kiểm soát văn hóa của tổ chức.

- Nội dung học phần: Học phần đề cập đến các vấn đề: giới thiệu hành vi tổ chức, cơ sở hành vi cá nhân, cơ sở hành vi nhóm, truyền thông và giao tiếp trong nhóm, tác động của văn hóa tới hành vi cá nhân và tổ chức, văn hóa doanh nghiệp.

40. Quản trị văn phòng (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mục tiêu: Học phần này giúp giải quyết những vấn đề văn phòng và tổ chức văn phòng cũng như các nghiệp vụ cơ bản của văn phòng. Giúp sinh viên hiểu rõ xử lý lưu trữ thông tin tổ chức văn phòng, tổ chức buổi họp, chiêu đãi, công tác lễ tân, trợ giúp cơ quan đơn vị tổ chức đạt kết quả cao hơn trong công việc cũng như sự kiện

- Nội dung học phần: những vấn đề chung về văn phòng và tổ chức văn phòng, quản trị văn phòng, làm rõ công tác tổ chức quản trị lao động văn phòng. Nắm rõ các nghiệp vụ cơ bản của văn phòng như tổ chức quản lý thời gian cũng như tổ chức tiếp khách hội nghị hội thảo, các chuyến đi công tác.

41. Quản trị dự án (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Toán kinh tế, Thuế.

- Mục tiêu: Cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị dự án

+ Người học nắm bắt được những kiến thức cơ bản về dự án và các nội dung chủ yếu của các bước trong quy trình quản trị dự án như: xác định dự án, phân tích và lập dự án, phê duyệt dự án, tổ chức quản trị dự án.

- Nội dung học phần:

Chương 1: Tổng quan về quản trị dự án

Chương 2: Những nội dung chủ yếu về một dự án đầu tư

Chương 3: Phân tích dự án đầu tư

Chương 4: Tổ chức quản trị dự án

42. Quản trị chi phí kinh doanh (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Quản trị học

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về quản trị chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó giúp người học phát triển các kỹ năng tổng hợp, phân tích, tính toán... và vận dụng vào hoạt động thực tế sau khi tốt nghiệp ra trường

- Nội dung của học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chi phí và quản trị chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các

doanh nghiệp như khái niệm, các loại chi phí, vai trò của quản trị chi phí kinh doanh, các phương pháp ước tính chi phí, các phương pháp tính chi phí kinh doanh, nội dung mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận và việc ứng dụng vào phân tích các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

43. Quản trị kinh doanh quốc tế (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có được cái nhìn tổng quan những kiến thức về kinh doanh quốc tế, cụ thể bao gồm phân tích môi trường kinh doanh quốc tế để lựa chọn chiến lược và phương thức thâm nhập thị trường. Sinh viên có các kỹ năng đưa ra được các quyết định tác nghiệp hợp lý khi họ tham gia các hoạt động này nhằm tối đa hóa lợi nhuận, sử dụng và phát huy tối ưu các lợi thế về nguồn lực, cũng như thỏa mãn các yêu cầu khác trong quan hệ kinh doanh quốc tế.

- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu, mô tả, và giải thích môi trường kinh doanh quốc tế đương đại trong đó các tổ chức kinh doanh quốc tế đang phải đối mặt hiện nay. Học phần này cũng nhằm giới thiệu cách thức thực hiện chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty. Những kiến thức cung cấp trong học phần này sẽ hữu ích không những cho các quản trị gia trong khu vực kinh tế công và tư nhân, các nhà quản lý của các tổ chức quốc tế cũng như những chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực này trong việc nắm bắt những xu hướng kinh doanh quốc tế, chiến lược và tổ chức hoạt động tác nghiệp của các công ty kinh doanh quốc tế.

44. Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh (4,3,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần Thống kê doanh nghiệp, Quản trị chất lượng, Quản trị nhân lực.

- Mục tiêu: Học phần này giúp sinh viên thấy được thực chất của quá trình và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm, thấy được thành quả cũng như trách nhiệm của các bộ phận trong việc kiểm soát chi phí thông qua phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng cho thấy nguyên nhân làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng, giảm theo xu hướng khách quan hoặc chủ quan. Phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích tài chính doanh nghiệp.

- Nội dung học phần:

Chương 1. Tổng quan về phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh

Chương 2: Phân tích tình hình sản xuất

Chương 3: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào sản xuất kinh doanh

Chương 4: Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chương 5: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận

Chương 6: Phân tích tình hình tài chính

45. Quản trị tài chính doanh nghiệp (4,3,1)

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, kỹ năng quản trị

- Mục tiêu: nhằm trang bị cho người học những vấn đề lý thuyết chung cơ bản về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp, phát triển kỹ năng lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, đưa ra được các quyết định tài chính trong từng trường hợp cụ thể, kỹ năng về phân tích, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư.

- Nội dung học phần: Học phần đề cập những kiến thức tổng quan về tài chính doanh nghiệp; cách xác định giá trị thời gian của tiền; Tìm hiểu nội dung và phương pháp lập các kế hoạch tài chính như: kế hoạch chi phí, giá thành, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Nội dung và phương pháp quản trị tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp.

46. Khởi sự kinh doanh (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Quản trị kinh doanh

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nghiên cứu thị trường và môi trường, phát hiện, đánh giá cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng, lập kế hoạch kinh doanh và triển khai các hoạt động cần thiết để tạo lập doanh nghiệp mới... để từ đó có thể hiện thực hóa ý tưởng ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường và sau khi tốt nghiệp ra trường

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết của doanh nhân tương lai như kỹ năng nghiên cứu thị trường và môi trường, kỹ năng nhận diện cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng, đánh giá và lựa chọn ý tưởng, lập kế hoạch kinh doanh và triển khai các hoạt động cần thiết để tạo lập doanh nghiệp mới đồng thời biết hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh của mình một cách khoa học.

47. Quản trị Cung ứng dịch vụ: (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô, Quản trị học, Kỹ năng quản trị.

- Mục tiêu học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị cung ứng nhằm thiết lập, thực hiện hệ thống chuỗi cung ứng có thể áp dụng cho các loại tổ chức khác nhau trong xã hội. Sau khi học xong học phần, sinh viên: Nắm bắt các lý thuyết sử dụng trong công tác quản lý chuỗi cung ứng để áp dụng trong thực hành nghề nghiệp, hiểu được các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị,

mục đích & phương pháp quản lý chuỗi cung ứng và biết tiếp cận các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

48. Quản trị bán hàng (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học xong các học phần cơ sở ngành

- Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng: Khái quát về quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Tổ chức bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng và một số kỹ năng quản trị bán hàng cơ bản như: Kỹ năng lập kế hoạch bán hàng; Kỹ năng tổ chức mạng lưới bán hàng; Kỹ năng tổ chức và phát triển lực lượng bán hàng; Kỹ năng kiểm soát bán hàng; Kỹ năng tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng... từ đó vận dụng vào công tác bán hàng, quản trị bán hàng.

- Nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp, bao gồm các nội dung chủ yếu: Khái quát về quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Tổ chức lực lượng bán hàng; Tuyển chọn, huấn luyện, đào tạo lực lượng bán hàng; Lãnh đạo lực lượng bán hàng; Đánh giá hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng;...

49. TACN Quản trị kinh doanh tổng hợp 1 (3, 2, 1)

- Điều kiện học học phần: Hoàn thành học phần Tiếng Anh cơ bản 1, 2 và các học phần cơ sở chuyên ngành

- Mục tiêu của học phần: Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh, cấu trúc ngữ pháp để sinh viên có thể được sử dụng trong tình huống giao tiếp, đọc hiểu các văn bản ở mức độ cơ bản.

+ Kiến thức:

- Hiểu được những từ vựng chuyên ngành quản trị ở mức độ cơ bản.

- Hiểu được những cấu trúc ngữ pháp thường được sử dụng trong giao tiếp, trong các văn bản chuyên ngành quản trị.

- Áp dụng các kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, sử dụng trong chuyên ngành.

+ Kỹ năng:

- Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe, nói, đọc và viết ở mức độ giao tiếp thông thường.

- Nói được một số chủ đề trong tiếng Anh chuyên ngành: Nói về thông tin doanh nghiệp, hay một chuyến đi công tác, giới thiệu sản phẩm ...;

- Có kỹ năng thuyết trình, làm việc linh hoạt, sáng tạo và làm việc theo nhóm.

- Nội dung học phần: Học phần gồm 5 bài học, cung cấp cho sinh viên: Các cấu trúc ngữ pháp. Cách sử dụng các loại từ, cấu trúc sử dụng trong các tình huống giao tiếp.

Vốn từ vựng liên quan đến từng bài học hoặc từng chủ đề: giới thiệu về thành phần công ty, sự kiện và số liệu của công ty, phát triển công ty, hoạt động hiện tại, phát triển nhân sự, mô tả sản phẩm và dịch vụ, làm báo cáo thường kỳ.....

Luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, Dịch thông qua các bài tập viết câu, bài đọc hiểu, các tình huống giao tiếp trong kinh doanh.

50. TACN Quản trị kinh doanh tổng hợp 2 (3,2,1)

- Điều kiện học học phần

- Hoàn thành học phần Tiếng Anh cơ bản 1, 2; các học phần cơ sở chuyên ngành; Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp 1.

- Mục tiêu của học phần: Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh, cấu trúc câu để sinh viên có thể được sử dụng trong tình huống giao tiếp, đọc hiểu các văn bản ở trình độ sơ cấp.

+ Kiến thức:

- Hiểu được những từ vựng chuyên ngành quản trị kinh doanh ở mức độ sơ cấp.

- Hiểu được những cấu trúc câu thường được sử dụng trong giao tiếp, trong các văn bản chuyên ngành quản trị.

- Áp dụng các kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ.

+ Kỹ năng:

- Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe, nói, đọc và viết ở mức độ giao tiếp thông thường.

- Nói, viết được một số chủ đề trong tiếng Anh chuyên ngành: sản xuất, chất lượng sản phẩm, nhân hàng, cạnh tranh...v.v..

- Có kỹ năng thuyết trình, làm việc linh hoạt, sáng tạo và làm việc theo nhóm.

- Nội dung học phần

- Học phần gồm 14 đơn vị bài học, được sắp xếp theo mức độ khó tăng dần cho 4 kỹ năng ngôn ngữ, bao gồm các chủ đề thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh: Cung cầu, sản xuất, thị trường, cạnh tranh, tiêu chuẩn chất lượng, quan hệ khách hàng, kiểm soát hoạt động..... Ở mỗi bài học, sinh viên đều được học kiến thức, áp dụng thực hành các kỹ năng vào các tình huống thực tế.

51. Tài chính tiền tệ (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý đại cương mang tính chất nhập môn trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ ngân hàng. Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể nắm vững được các kiến thức cơ sở liên quan đến lĩnh vực tài chính, từ đó tạo điều kiện nghiên cứu các môn học chuyên ngành khác.

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính và tiền tệ; các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ; các mối quan hệ kinh tế trong phân phối các nguồn tài chính; hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân sách nhà nước, hoạt động của thị trường tài chính; hoạt động tài chính quốc tế; Bản chất, chức năng của tiền tệ, lạm phát; cung và cầu tiền tệ, tín dụng, lãi suất tín dụng. Hoạt động của hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế: Ngân hàng Trung Ương, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

52. Thương mại điện tử (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần Thống kê doanh nghiệp, Quản trị chất lượng, Quản trị nhân lực.

- Mục tiêu: Hiểu được kiến thức cơ bản về thương mại điện tử như các cơ sở phát triển TMDT, các mô hình TMDT phổ biến hiện nay, marketing điện tử (một số công cụ marketing điện tử như facebook, email marketing, SEO...), hợp đồng điện tử và hệ thống thanh toán điện tử hiện nay.

- Nội dung học phần:

Chương 1: Tổng quan thương mại điện tử

Chương 2: Thương mại điện tử B2C

Chương 3: Thương mại điện tử B2B

Chương 4: Hợp đồng điện tử

Chương 5: Hệ thống thanh toán điện tử

Chương 6: Hành vi khách hàng và Marketing điện tử

B2. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Du lịch-Khách sạn

53. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2(2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học các học phần Triết học Mác – Lênin.

- Mục tiêu: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu về một nền văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, từ đó có nhận thức đúng đắn về văn hoá, về vai trò của văn hoá trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia. Vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn. Sau khi học xong môn học này, sinh viên có kĩ năng nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hoá cụ thể, từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc. Môn học giúp sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao lòng yêu nước, tự hào về truyền thống và ý chí quật cường dân tộc, góp phần vào việc bảo tồn và kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

- Nội dung: Học phần bao gồm 6 chương: Chương 1. Văn hoá học và văn hoá Việt Nam; Chương 2. Văn hoá nhận thức; Chương 3. Văn hoá tổ chức đời sống tập thể; Chương 4. Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân; Chương 5. Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên; Chương 6. Văn hoá ứng xử với môi trường xã hội.

54. Tổng quan du lịch – khách sạn (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Đây là học phần cơ sở đầu tiên và đặc biệt quan trọng của chuyên ngành du lịch, vì vậy nên được học ngay sau các môn chung.

- Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở học phần để:

1. Phân tích các vấn đề trong lĩnh vực du lịch và đề xuất các giải pháp phù hợp với các vấn

2. Tổng hợp các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến lĩnh vực du lịch

3. Đề xuất các ý tưởng có liên quan đến lĩnh vực Kinh tế, Quản lý và Kinh doanh Du lịch

- Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những kiến thức về du lịch và du khách, các giai đoạn hình thành và phát triển du lịch, nhu cầu và các loại hình du lịch, điều kiện phát triển du lịch, tính thời vụ và lao động trong du lịch, cơ sở lưu trú và lao động trong du lịch...

55. Tài nguyên du lịch: (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

- Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch, bao gồm: khái niệm cơ bản về tài nguyên du lịch, phân loại tài nguyên du lịch, đặc điểm tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn, vai trò của tài nguyên du lịch đối với khách du lịch, điểm đến và loại hình du lịch đối với sự phát triển kinh tế, xã hội; khai thác tài nguyên du lịch của các vùng du lịch Việt Nam, các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ khai thác tài nguyên và nội dung của bảo vệ tài nguyên du lịch. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng, phương pháp công tác bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng làm báo cáo, thuyết trình vấn đề.

- Nội dung của học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn, khai thác tài nguyên du lịch các vùng du lịch Việt Nam và bảo vệ tài nguyên du lịch.

56. Kinh tế du lịch (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về vai trò của du lịch trong nền kinh tế quốc dân, nội dung kinh tế của thị trường du lịch, đặc điểm và nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư du lịch, chi phí và lợi nhuận kinh doanh du lịch, lao động và vốn kinh doanh du lịch và đo lường hiệu quả kinh tế xã hội của du lịch.

- Nội dung học phần:

Chương 1: Khái quát về kinh tế du lịch

Chương 2: Thị trường du lịch

Chương 3: Lao động và vốn kinh doanh du lịch

Chương 4: Hiệu quả kinh tế du lịch

57. Quản trị tài chính doanh nghiệp (4,3,1)

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, kỹ năng quản trị
- Mục tiêu: nhằm trang bị cho người học những vấn đề lý thuyết chung cơ bản về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp, phát triển kỹ năng lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, đưa ra được các quyết định tài chính trong từng trường hợp cụ thể, kỹ năng về phân tích, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư.

- Nội dung học phần: Học phần đề cập những kiến thức tổng quan về tài chính doanh nghiệp; cách xác định giá trị thời gian của tiền; Tìm hiểu nội dung và phương pháp lập các kế hoạch tài chính như: kế hoạch chi phí, giá thành, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Nội dung và phương pháp quản trị tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp.

58. Quản Trị Lễ Tân Khách Sạn (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tổng quan nhà hàng khách sạn
- Mục Tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị nghiệp vụ tại bộ phận lễ tân khách sạn: tổng quan về quản trị lễ tân khách sạn; quản trị nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật; quản trị xúc tiến bán hàng tại bộ phận lễ tân; quản trị các nghiệp vụ đặt phòng khách sạn, đăng ký khách sạn, cung ứng dịch vụ khách sạn và trả phòng khách sạn; kiểm toán đêm và báo cáo doanh thu lễ tân.

- Nội dung: khái quát sự phát triển kinh doanh khách sạn trên thế giới và ở Việt Nam. Một số xu hướng cơ bản trong sự phát triển của hoạt động kinh doanh khách sạn trên thế giới cũng như Việt Nam. Nắm rõ hoạt động kinh doanh lưu trú ăn uống trong khách sạn, kiểm soát kiểm tra kết quả, quản trị hoạt động an ninh an toàn trong khách.

59. Quản trị thực phẩm đồ uống (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam
- Mục tiêu: Giúp sinh viên nắm vững những cơ sở lý luận cơ bản về quản trị ẩm thực và những cơ sở thực tế của kinh doanh ẩm thực ở Việt Nam và một số nơi trên Thế Giới; Biết được văn hóa ẩm thực một số nước trên thế giới; Quản lý và bồi dưỡng nhân viên trong nhà hàng, nguyên tắc phục vụ bàn, phương pháp tính giá món ăn; Nắm được những điều cấm kỵ trong dự tiệc; Trang bị khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào vào hoạt động thực tế.

- Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quản trị thực phẩm và đồ uống như: khái quát về quản trị thực phẩm và đồ uống; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật; quản trị quá trình mua, dự trữ, sản xuất chế biến và tổ chức tiêu thụ sản phẩm ăn uống.

60. Thực tập quản trị lễ tân khách sạn (2,0,2)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Quản trị lễ tân khách sạn.

- Mục tiêu: Sau khi đi thực tập tại các doanh nghiệp, sinh viên nắm bắt, tìm hiểu các kiến thức thực tế về quản trị lễ tân khách sạn nhằm: Củng cố kiến thức chuyên môn trên cơ sở liên hệ với thực tế. Tìm hiểu các kiến thức về quản trị nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật; quản trị xúc tiến bán hàng tại bộ phận lễ tân; quản trị các nghiệp vụ đặt phòng khách sạn; đăng ký khách sạn; cung ứng dịch vụ khách sạn và trả phòng khách sạn; kiểm toán đêm và báo cáo doanh thu lễ tân. Đồng thời tiếp xúc với cán bộ, nhân viên đang làm việc tại doanh nghiệp.

- Nội dung của học phần: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về thực tế kinh doanh của các đơn vị thực tập như quản trị nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật; xúc tiến bán hàng tại bộ phận lễ tân; các nghiệp vụ đặt phòng khách sạn; đăng ký khách sạn; cung ứng dịch vụ khách sạn và trả phòng khách sạn; kiểm toán đêm và báo cáo doanh thu lễ tân.

61. Quản lý điểm đến du lịch (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tổng quan du lịch khách sạn.

- Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý điểm đến du lịch: Tổng quan về quản lý điểm đến du lịch; Thực trạng điểm đến du lịch; Thiết lập tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu và chiến lược điểm đến du lịch; Định vị và xây dựng thương hiệu cho điểm đến du lịch; Marketing điểm đến du lịch; Đảm bảo chất lượng trải nghiệm của du khách tại điểm đến du lịch,...từ đó vận dụng vào quản lý điểm đến du lịch.

- Nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh du lịch khách sạn, bao gồm các nội dung chủ yếu: Tổng quan về quản lý điểm đến du lịch; Thực trạng điểm đến du lịch; Thiết lập tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu và chiến lược điểm đến du lịch; Định vị và xây dựng thương hiệu cho điểm đến du lịch; Marketing điểm đến du lịch; Đảm bảo chất lượng trải nghiệm của du khách tại điểm đến du lịch.

62. Quản trị sự kiện: (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tổng quan du lịch

- Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sự kiện, bao gồm: những khái niệm cơ bản về sự kiện, quản trị sự kiện, những nhân tố ảnh hưởng và xu hướng phát triển thị trường tổ chức sự kiện ở Việt Nam... Học phần tạo kỹ năng chuyên môn có tính chuyên nghiệp trong hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh, kỹ năng tổ chức triển khai một chương trình sự kiện và đánh giá một chương

trình sự kiện, kỹ năng xử lý các tình huống thông qua việc rèn luyện kỹ năng về tư duy, thuyết trình và làm việc nhóm

- Nội dung của học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức ngành căn bản về quản trị sự kiện, những vấn đề pháp lý và truyền thông marketing sự kiện, tổ chức triển khai hoạt động sự kiện, đánh giá sự kiện.

63. Hành vi khách du lịch (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần: Tổng quan du lịch khách sạn và Marketing du lịch.

- Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi khách du lịch: nghiên cứu quy trình ra quyết định, các yếu tố tâm lý, cá nhân, văn hoá, xã hội ảnh hưởng đến hành vi của khách hàng. Qua đó, giúp cho nhà quản trị hiểu được khách hàng, làm cơ sở cho việc phân khúc thị trường, định vị sản phẩm và xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp cho phù hợp với các khách hàng của mình.

- Nội dung của học phần: Học phần cung cấp các hiểu biết và kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng du lịch: Nghiên cứu các yếu tố văn hóa, xã hội, tâm lý, cá nhân, những niềm tin cốt yếu, những giá trị, phong tục tập quán ảnh hưởng đến hành vi của khách hàng du lịch; Quá trình ra quyết định; Phương pháp nghiên cứu hành vi người tiêu dùng du lịch,...

64. Thực tập quản trị sự kiện và quản trị thực phẩm đồ uống: (2,0,2)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần quản trị sự kiện, quản trị thực phẩm đồ uống

- Mục tiêu học phần: Học phần giúp sinh viên lên kế hoạch tổ chức một sự kiện du lịch, bao gồm công tác dự toán ngân sách và lập kế hoạch tổ chức sự kiện du lịch; tổ chức và tính toán thời gian tổ chức sự kiện du lịch; quản lý danh sách khách mời tham dự sự kiện du lịch; chọn địa điểm tổ chức sự kiện du lịch, tổ chức ăn uống trong sự kiện du lịch; tổ chức các dịch vụ giải trí, văn hóa nghệ thuật phục vụ sự kiện du lịch; và các dịch vụ khác...

Học phần giúp sinh viên xây dựng kế hoạch thực đơn như: Khái quát về thực đơn và kế hoạch thực đơn, nguyên tắc xây dựng thực đơn, xây dựng và cải tiến thực đơn. Lập kế hoạch và tổ chức phục vụ ăn uống, chuẩn hóa các thao tác kỹ thuật cơ bản, quy trình phục vụ ăn uống. Ngoài ra, sinh viên có thể được thực hành các kiến thức trong môi trường kinh doanh thực tế, có năng lực tương tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm/lớp.

- Nội dung của học phần:

Phần I: Thực tập quản trị sự kiện

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với các nghiệp vụ viết kịch bản văn hóa của sự kiện du lịch, kịch bản chi tiết của sự kiện du lịch bao gồm: đối tượng, phương pháp viết

kịch bản sự kiện du lịch. Một số kỹ năng viết thông cáo báo chí trong tổ chức sự kiện du lịch như: thông cáo báo chí, chương trình radio và truyền hình, phát ngôn, bài viết và hình ảnh, event và lobby...

Học phần giúp sinh viên lên kế hoạch tổ chức một sự kiện du lịch, bao gồm công tác dự toán ngân sách và lập kế hoạch tổ chức sự kiện du lịch; tổ chức và tính toán thời gian tổ chức sự kiện du lịch; quản lý danh sách khách mời tham dự sự kiện du lịch; chọn địa điểm tổ chức sự kiện du lịch, tổ chức ăn uống trong sự kiện du lịch; tổ chức các dịch vụ giải trí, văn hóa nghệ thuật phục vụ sự kiện du lịch; và các dịch vụ khác...

Phần II: Thực tập quản trị thực phẩm đồ uống

Học phần giúp sinh viên lượng hóa được thực phẩm và đồ uống cho một thực đơn, sắp xếp và bố trí nhân lực trong chuỗi cung ứng và sử dụng thực phẩm đồ uống; cách bảo quản và dự trữ thực phẩm đồ uống.

65. Thực tập nghiệp vụ 1 (2,0,2)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần Quản trị thương hiệu, Quản trị nhân lực, Quản trị chiến lược, Quản trị tài chính

- Mục tiêu: Sau khi kết thúc quá trình thực tập, sinh viên có thể nắm bắt, tìm hiểu các kiến thức thực tế nhằm: Củng cố kiến thức, vận dụng linh hoạt các kiến thức đã được trang bị vào thực tế; Hoàn thành báo cáo thực tập theo chuyên đề đã lựa chọn.

- Nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị du lịch. Trên cơ sở tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, sinh viên thu thập các thông tin, số liệu thực tế của đơn vị thực tập để nghiên cứu và báo cáo khi kết thúc thời gian thực tập.

66. Thực tập nghiệp vụ 2 (2,0,2)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần chuyên ngành.

- Mục tiêu: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Hoàn thành báo cáo thực tập theo chuyên đề đã lựa chọn.

- Nội dung học phần: Thực tập nghiệp vụ 2 giúp sinh viên làm quen, trải nghiệm trong môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị du lịch, nhà hàng, khu vui chơi giải trí... Trong quá trình thực tập, sinh viên thu thập thông tin, số liệu thực tế của đơn vị kinh tế để nghiên cứu và báo cáo khi kết thúc thời gian thực tập.

67. TACN du lịch 1 (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần tiếng Anh cơ bản 1,2 và các học phần cơ sở ngành du lịch.

- Mục tiêu của học phần: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: từ vựng và cấu trúc ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong tài liệu chuyên ngành du lịch hiện nay bằng tiếng Anh.

** Kiến thức:*

- Hiểu biết được những kiến thức chuyên môn Du lịch bằng tiếng Anh.
- Hiểu biết cơ bản về các từ vựng tiếng Anh hay sử dụng trong Du lịch (tùy thuộc vào từng chủ đề).
- Hiểu biết về cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh hay dùng trong Du lịch (tùy thuộc vào từng chủ đề)

** Kỹ năng:*

- Ghi nhớ từ vựng theo từng chủ đề
- Ghi nhớ cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề.
- Đọc và dịch các tài liệu chuyên môn về du lịch.
- Trình bày một vấn đề chuyên môn bằng Tiếng Anh
- Nội dung học phần:
 - Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị những kiến thức cơ bản về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết các thuật ngữ và các tình huống trong du lịch.

Học phần gồm 5 bài. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

+ Ngữ pháp: Hiện tại đơn; hiện tại tiếp diễn; quá khứ đơn; so sánh; động từ khuyết thiếu; từ để hỏi...

+ Từ vựng: số liệu thống kê du lịch, đọc và xác nhận thông tin chi tiết; từ vựng về lương – điều kiện làm việc, chất lượng và kỹ năng, công việc du lịch; trung tâm hỗ trợ thông tin khách du lịch; dịch vụ tour du lịch trọn gói; lên kế hoạch tour quanh thành phố; cơ sở vật chất; xu hướng khách sạn....

68. TACN du lịch 2 (2, 2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần tiếng Anh cơ bản 1,2; TACN du lịch 1 và các học phần cơ sở ngành du lịch.

- Mục tiêu của học phần: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: từ vựng và cấu trúc ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong tài liệu chuyên ngành du lịch hiện nay bằng tiếng Anh.

** Kiến thức:*

- Hiểu biết được những kiến thức chuyên môn Du lịch bằng tiếng Anh.
- Hiểu biết cơ bản về các từ vựng tiếng Anh hay sử dụng trong Du lịch (tùy thuộc vào từng chủ đề).
- Hiểu biết về cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh hay dùng trong Du lịch (tùy thuộc vào từng chủ đề)

** Kỹ năng:*

- Hình thành các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) để giao tiếp trong các tình huống thực tế trong du lịch ở mức độ cơ bản.

- Sinh viên có thể thực hiện các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc như: khả năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, tương tác và giao tiếp với cá nhân, tập thể

- Sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập, biết phân tích, tổng hợp thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan và hình thành kỹ năng tư duy, lập luận.

- Nội dung học phần:

- Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị những kiến thức cơ bản về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết các thuật ngữ và các tình huống trong du lịch.

- Học phần gồm 5 bài. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

+ Ngữ pháp: Danh từ đếm được, không đếm được; dạng động từ ở tương lai; động từ khuyết thiếu; Hiện tại hoàn thành; câu điều kiện loại 1;

+ Từ vựng: đồ ăn, đồ uống; du lịch lưu động; địa lý; chỉ dẫn đường; dịch vụ phòng; hóa đơn khách sạn; xu hướng du lịch.....

69. Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành học phần Tiếng Anh cơ bản 1, 2 và các học phần cơ sở chuyên ngành

- Mục tiêu của học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp và tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn nhằm giúp sử dụng vào chuyên môn, nghiệp vụ. Nâng cao và phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, tập trung vào kỹ năng nói và nghe trong các tình huống hay gặp với khách nước ngoài.

* Kiến thức:

- Hiểu biết được các từ vựng, thuật ngữ về chuyên ngành khách sạn

- Hiểu biết được các cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu, các tình huống giao tiếp với khách hàng trong khách sạn.

- Sinh viên biết cách áp dụng những kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế tại khách sạn ở mức độ đơn giản.

* Kỹ năng:

- Hình thành các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) để giao tiếp trong các tình huống thực tế ở khách sạn ở mức độ cơ bản.

- Sinh viên có thể thực hiện các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc như: khả năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, tương tác và giao tiếp với cá nhân, tập thể

- Sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập, biết phân tích, tổng hợp thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan và hình thành kỹ năng tư duy, lập luận.

- Nội dung học phần: Học phần dành cho sinh viên ở mức độ sơ cấp, gồm 6 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức, từ vựng về chuyên ngành khách sạn, tập trung

vào các nội dung như: làm thủ tục đón khách, hướng dẫn khách về phòng, về các dịch vụ khách sạn, giải quyết các vấn đề của khách khi ở tại khách sạn... Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản.

70. Địa lý du lịch: (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sáu học phần Tổng quan du lịch
- Mục tiêu học phần: Học phần giúp sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của địa lý du lịch trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, biết được các phân vùng, phân vị trong du lịch, đặc điểm của các nhân tố trong hệ thống lãnh thổ du lịch. Sau khi học xong học phần sinh viên có thể hiểu được các tiêu chí phân loại di sản du lịch và đặc điểm của các vùng du lịch Việt Nam và hình thành kỹ năng phân vùng du lịch, nghiên cứu về các yếu tố trong tổng thể hệ thống du lịch.

- Nội dung của học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lý du lịch Việt Nam, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của du lịch, tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch ở các vùng miền trên lãnh thổ Việt Nam.

71. Thực tập tốt nghiệp ngành QTKD (4,0,4)

- Điều kiện tiên quyết: Là học phần bắt buộc của ngành đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần được học sau khi sinh viên đã hoàn thành khối kiến thức chuyên ngành của ngành đào tạo.

- Mục tiêu: Sau khi đi thực tập tại các doanh nghiệp, sinh viên tìm hiểu tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập nhằm củng cố kiến thức chuyên môn trên cơ sở liên hệ với thực tế sản xuất như: Tìm hiểu tình hình quản lý sản xuất, tổ chức sản xuất, dây chuyền công nghệ sản xuất tại đơn vị thực tập, phân tích được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập, đồng thời đi sâu nghiên cứu phân tích sâu nội dung nghiệp vụ theo đề cương đăng ký.

- Nội dung học phần: Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung học phần bao gồm 3 chương đề cập đến các vấn đề sau:

Chương 1: Giới thiệu tổng quan về đơn vị thực tập

Giới thiệu khái quát chung về đơn vị thực tập, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị thực tập

Chương 2: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập

Phân tích tình hình sản xuất tại đơn vị thực tập, tình hình quản lý, sử dụng lao động và quỹ tiền lương tại đơn vị thực tập, kết quả hoạt động SXKD tại đơn vị thực tập và đánh giá về công tác quản trị tại đơn vị thực tập

Chương 3: Đánh giá công tác quản trị tại đơn vị thực tập

Phân tích, đánh giá một trong các nghiệp vụ theo nội dung đăng ký thực tập

72. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD (6,0,6)

- Điều kiện tiên quyết: Là học phần bắt buộc của ngành đào tạo Quản trị kinh doanh. Học phần được học sau khi sinh viên đã hoàn thành khối kiến thức chuyên ngành của ngành đào tạo.

- Mục tiêu:

+ Sinh viên đảm bảo những luận cứ khoa học thuộc nội dung đề tài nghiên cứu của khóa luận.

+ Đánh giá được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị theo nội dung đề tài lựa chọn, phân tích những điểm mạnh và những mặt hạn chế tồn tại của đơn vị thực tập.

+ Đưa ra được các giải pháp nhằm phát huy điểm mạnh và hạn chế khắc phục những tồn tại yếu kém, góp phần thúc đẩy hoạt động SXKD của đơn vị thực tập.

- Nội dung học phần: Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung học phần bao gồm 3 chương đề cập đến các vấn đề sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp luận của đề tài nghiên cứu

Giới thiệu tổng quan về cơ sở lý luận và cơ phương pháp luận liên quan đến nội dung của đề tài nghiên cứu

Chương 2: Thực trạng nội dung nghiên cứu tại đơn vị thực tập

Giới thiệu khái quát chung về đơn vị thực tập; đánh giá và phân tích thực trạng hoạt động của đơn vị thực tập theo nội dung đề tài nghiên cứu

Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung nghiên cứu tại đơn vị thực tập

Đánh giá chung về hoạt động của đơn vị thực tập theo nội dung đề tài nghiên cứu cùng các giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung đề tài nghiên cứu

73. Quản trị sản xuất và tác nghiệp (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần chuyên ngành

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kỹ năng và kiến thức chuyên sâu của nhà quản trị kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và tác nghiệp tại các doanh nghiệp để từ đó có thể vận dụng vào công tác điều hành các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết của nhà quản trị như kỹ năng dự báo nhu cầu thị trường, ra quyết định quá trình sản xuất, lựa chọn địa điểm kinh doanh, bố trí sản xuất, hoạch định, điều độ sản xuất... một cách khoa học và hiệu quả

74. Quản trị kinh doanh tổng hợp (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Quản trị nhân lực, quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học các khái niệm cơ bản về: doanh nghiệp, kinh doanh, lãnh đạo, quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp

cho sinh viên những kiến thức về quản trị hoạt động thương mại, quản trị lao động và tiền lương, đánh giá chính sách bán chịu của doanh nghiệp.

- Nội dung của học phần: Học phần cung cấp cho người học cơ sở lý luận về quản trị kinh doanh như doanh nghiệp, quản trị kinh doanh, lãnh đạo... đi sâu tìm hiểu một số kỹ năng quản trị cụ thể như quản trị hoạt động thương mại, quản trị lao động và tiền lương, quản trị chính sách bán chịu của doanh nghiệp

75. Quản trị kinh doanh lữ hành (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần chuyên ngành

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh lữ hành để từ đó có thể vận dụng vào công tác quản lý, điều hành các hoạt động của doanh nghiệp lữ hành trong môi trường hiện nay. Đồng thời biết vận dụng kiến thức để tính toán, xây dựng và tổ chức một chương trình du lịch cho doanh nghiệp lữ hành ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường và sau khi tốt nghiệp ra trường.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh lữ hành như khái niệm, nhiệm vụ, chức năng của doanh nghiệp lữ hành, quản trị các hoạt động kinh doanh; hoạt động cung ứng; quá trình kinh doanh chương trình du lịch trong doanh nghiệp lữ hành; quá trình kinh doanh dịch vụ đại lý lữ hành... từ đó vận dụng vào hoạt động kinh doanh thực tiễn sau khi tốt nghiệp

76. Du lịch bền vững (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

- Mục tiêu: Học phần Du lịch bền vững trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về du lịch bền vững, làm nền tảng giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành đào tạo và nâng cao ý thức rèn luyện để có vị trí việc làm tốt sau khi tốt nghiệp.

- Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những kiến thức khái quát về du lịch bền vững; các mục tiêu và nguyên tắc, chính sách và mô hình phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch và các tiêu chuẩn du lịch bền vững; quản lý du lịch bền

XI. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
1	Đặng Thị Thu Giang	Thạc sĩ	Kinh tế công nghiệp	Quản trị học, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính, Tổng quan du lịch, Quản trị sự kiện, Du lịch bền vững
2	Bùi Thị Thuý Hằng	Thạc sĩ	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Quản trị chi phí KD, Khởi sự kinh doanh, Quản trị

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
				sản xuất và tác nghiệp, Quản trị KD lữ hành
3	Trần Thị Thanh Hương	Thạc sĩ	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế vĩ mô, Quản trị chất lượng, Thống kê DN, Quản trị môi trường, Quản trị thương hiệu, Hành vi khách du lịch, Quản trị bán hàng, tài nguyên du lịch, Quản lý điểm đến du lịch
4	Trần Thị Thu Lan	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Kinh tế vi mô, Phân tích HDSXKD, Quản trị dự án, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Thương mại điện tử, Kinh tế du lịch, QT thực phẩm đồ uống, Thực tập Quản trị sự kiện và QT thực phẩm đồ uống
5	Trần Hoàng Tùng	Thạc sĩ	Kinh tế công nghiệp	QT đổi mới, sáng tạo, Quản trị cung ứng dịch vụ, thực tập tốt nghiệp, tài nguyên du lịch, Quản trị lễ tân, khách sạn, Thực tập Quản trị lễ tân khách sạn, Thực tập nghiệp vụ 1,2
6	Ngô Thị Lan Hương	Thạc sĩ	QTKD	Quản trị Marketing, Toán kinh tế, Địa lý du lịch, Marketing căn bản, Quản trị văn phòng, Kỹ năng quản trị, Hành vi tổ chức, Quản trị bán hàng,
7	Nguyễn Phương Thúy	Thạc sĩ	KTCN	Thị trường chứng khoán, QT kinh doanh quốc tế
8	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sĩ	TCNH	Thị trường chứng khoán, Thuế
9	Lê Xuân Hương	Thạc sĩ	KTTCNH	Tài chính tiền tệ, Thuế
10	Nguyễn Thị Thơm	Thạc sĩ	Kế toán tổng hợp	Nguyên lý kế toán
11	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp
12	Vũ Ngọc Hà	Thạc sĩ	Triết học	Triết học Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Phương pháp luận nghiên cứu khoa

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
13	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	KTCT	Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Văn hóa kinh doanh
14	Nguyễn Thị Hải Ninh	Thạc sĩ	KTCT	Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
15	Trần Thị Hoàn	Thạc sĩ	KTCT	Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Phương pháp luận nghiên cứu khoa
16	Nguyễn Thị Nhung	Tiến sĩ	LSĐCSVN	Lịch sử Đảng CSVN, Cơ sở văn hoá Việt Nam
17	Lê Thị Hằng	Thạc sĩ	Luật	Pháp luật đại cương, Luật kinh tế
18	Bùi Thị Huyền	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh cơ bản 1, Tiếng Anh cơ bản 2, Tiếng Anh chuyên ngành QTKDTH 1,2, Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1,2,3
19	Mai Thị Huyền	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh cơ bản 1, Tiếng Anh cơ bản 2
20	Vũ Thị Thái	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh cơ bản 1, Tiếng Anh cơ bản 2
21	Vũ Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh cơ bản 1, Tiếng Anh cơ bản 2
22	Đông An Sinh	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh cơ bản 1, Tiếng Anh cơ bản 2, Tiếng Anh chuyên ngành QTKDTH 1,2, Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1,2,3
23	Phạm Ngọc Hải	Thạc sĩ	Đại số	Toán cao cấp 1
24	Lê Thanh Tuyền	Thạc sĩ	Toán	Xác suất thống kê
25	Lê Thị Phương	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý, Nhập môn tin học
26	Phạm Thu Hà	Thạc sĩ	Sư phạm TĐTT	Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 3
27	Nguyễn Thị Hương	Thạc sĩ	Sư phạm TĐTT	Giáo dục thể chất 2
28	Đoàn Quang Hậu,	Thạc sĩ,	GDQP	Giáo dục Quốc phòng và AN

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
	Nguyễn Xuân Huy, Dương Khắc Mạnh, Trương Công Tuấn	Cử nhân		
29	Trần Thị Thủy Dung	Thạc sĩ	Đại số	Toán cao cấp 2

XII. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

TT	Tên Phòng thí nghiệm, thực hành	Địa điểm	Ghi chú
1	Phòng máy thực hành	Nhà H	
2	Phòng Lab tiếng Anh		

11.2. Thư viện

- Tổng diện tích 800 m²
- Số chỗ ngồi: 100
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 03
- Đã có phương tiện kết nối mạng: Nội mạng Lan; Internet băng thông 4Mbps.

11.3. Giáo trình, bài giảng:

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Chính trị quốc gia sự thật	2021
2	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Chính trị quốc gia	2007
3	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Chính trị quốc gia	2009
4	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Chính trị quốc gia sự thật	2021
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Chính trị quốc gia	2006
6	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Chính trị quốc gia	2009
7	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chính trị quốc gia sự thật	2021
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chính trị quốc gia	2007

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
9	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia sự thật	2021
10	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia	2012
11	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia	2007
12	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia sự thật	2021
13	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia	2007
14	Pháp luật đại cương	Chính trị quốc gia sự thật	2022
15	Pháp luật đại cương	Chính trị quốc gia sự thật	2008
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Thế giới	2001
17	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Chính trị quốc gia	2007
18	Giáo trình Logic học	Chính trị quốc gia	2004
19	Solutions Pre-Intermediate 3 rd edition	Oxford University Press	2017
20	New Cutting Edge	Pearson Longman	2005
21	Solution Pre-intermediate 3 RD edition	Oxford	
22	Toán học cao cấp tập 2	Giáo dục	2009
23	Toán học cao cấp tập 3	Giáo dục	2008
24	Bài tập Toán cao cấp tập 2	Giáo dục	2008
25	Bài tập Toán cao cấp tập 3	Giáo dục	2008
26	Toán học cao cấp tập 1	Giáo dục	2004
27	Toán học cao cấp tập 3	Giáo dục	2008
28	Bài tập Toán cao cấp tập 1	Giáo dục	2008
29	Bài tập Toán cao cấp tập 3	Giáo dục	2008
30	Nhập môn tin học	Giáo dục	
31	Giáo trình tin học đại cương	Tủ sách ĐH Khoa học tự nhiên, ĐH Quốc gia HN	
32	Tin học đại cương nâng cao	Giáo dục	1998
33	Xác suất thống kê	ĐHQG Hà Nội	2009

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
34	Mở đầu về Lý thuyết xác suất và ứng dụng	Giáo dục	2008
35	Bài tập Xác suất Thống kê	Giáo dục	2008
36	Giáo trình Văn hoá kinh doanh	DHCNQN	2018
37	Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp	Đại học KTQD	2006
38	Giáo trình Kỹ năng mềm-tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác	Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh	
39	Kỹ năng mềm	E-book	2010
40	Giáo trình Giáo dục thể chất	Đại học Mỏ Địa chất	2003
41	Bài giảng Giáo dục thể chất	DHCNQN	
42	Luật điền kinh	Nhà xuất bản TDTT	2005
43	Giáo trình Giáo dục thể chất	Đại học Mỏ Địa chất	2003
44	Bài giảng Giáo dục thể chất	DHCNQN	2020
45	Giáo trình Cầu lông	Thẻ dục thể thao	2015
46	Giáo trình Giáo dục thể chất	Đại học Mỏ Địa chất	2003
47	Bài giảng Giáo dục thể chất	DHCNQN	2022
48	Luật Biên giới quốc gia	Nxb Chính trị quốc gia	2004
49	Luật nghĩa vụ quân sự	Nxb Chính trị quốc gia	2005
50	Hiến pháp Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia	2013
51	Luật Quốc phòng	Lao động - Xã hội	2006
52	Luật biển Việt Nam		2012
53	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và an ninh tập 1	Giáo dục	
54	Hỏi và đáp “Diễn biến hoà bình, và đấu tranh chống diễn biến hoà bình”	Quân đội nhân dân	2005
55	Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay	Lý luận Chính trị	2006
56	Luật Biên giới quốc gia	Chính trị quốc gia	2004
57	Hiến pháp Việt Nam	Chính trị quốc gia	2013
58	Luật Quốc phòng	Lao động - Xã hội	2006

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
59	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 2	Giáo dục	
60	Điều lệnh đội ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam	Quân đội nhân dân	2002
61	Giáo trình kiểm tra kĩ thuật chiến đấu bộ binh		2005
62	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh tập 2	Giáo dục	
63	Kĩ thuật cấp cứu và chuyển thương hỏa tuyến	Quân đội nhân dân	2000
64	Kinh tế học vi mô	Giáo dục Việt Nam	2010
65	101 bài tập kinh tế vi mô	Thế Giới	2006
66	Kinh tế học vi môn	Giáo dục	1997
67	Bài tập kinh tế vi mô	văn hoá - thông tin	2010
68	Kinh tế học vĩ mô	Tài chính	2005
69	Kinh tế học vĩ mô	Giáo dục	2009
70	Bài tập Kinh tế vĩ mô	Tài chính	2005
71	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	ĐHCNQN	2013
72	Giáo trình Lý thuyết thống kê	Thống kê	2006
73	Giáo trình Lý thuyết thống kê	Kinh tế quốc dân	2020
74	Giáo trình Quản trị học	ĐHCNQN	2014
75	Giáo trình Quản trị học	GTVT	2008
76	Giáo trình Quản trị kinh doanh	Lao động xã hội	2004
77	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam (Tập 1, tập 2)	Tư pháp	2021
78	Giáo trình pháp luật kinh tế	tài chính	2010
79	Marketing căn bản	ĐH Kinh tế Quốc Dân	2012
80	Giáo trình Marketing căn bản	Tài Chính	2012
81	Marketing căn bản	Lao Động-XH	2012
82	Giáo trình kỹ năng quản trị	Đại học kinh tế quốc dân	2012
83	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Thống kê	2005

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
84	Giáo trình Phát triển kỹ năng quản trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	2008
85	Giáo trình Quản lý chất lượng trong các tổ chức	Lao động - Xã hội	2005
86	Giáo trình Quản lý chất lượng trong các tổ chức	Thống kê	2004
87	Giáo trình quản trị chất lượng	Đại học kinh tế quốc dân	2012
88	Phân tích đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp Việt Nam	ĐHQGHN	2016
89	Giáo trình Thống Kê doanh nghiệp	LD-XH	2002
90	Giáo trình Thống kê doanh nghiệp	DHCNQN	2013
91	Giáo trình Thống kê doanh nghiệp	Tài chính	2003
92	Giáo trình Thống kê doanh nghiệp	Giáo dục	2001
93	Giáo trình Thống kê kinh doanh	Thống kê	2001
94	Giáo trình Quản trị chiến lược	ĐH Kinh tế Quốc dân	2012
95	Chiến lược kinh doanh của DN thương mại	LDXH	2005
96	Chiến lược và sách lược kinh doanh	Thống kê	2003
97	Giáo trình Quản trị Thương hiệu	ĐCNQN	2015
98	Thương mại nội địa trong bối cảnh 4.0	Công thương	2020
99	Nâng cao năng lực áp dụng biện pháp tự vệ của Việt Nam trong TMQT	Công Thương	2019
100	Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực	thống kê	2003
101	Giáo trình Quản trị nhân lực	ĐH Kinh tế quốc dân	2012
102	Giáo trình Quản trị kinh doanh	LDXH	2004
103	Quản trị Marketing	Giáo Dục	2009
104	Quản trị Marketing	Tài Chính	2012
105	Giáo trình Quản trị rủi ro	Hà Nội	2017

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
106	Giáo trình Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Lao động – xã hội	2007
107	Hành Vi Tổ Chức	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2018
108	Quản Trị Văn Phòng	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2012
109	Lập dự án đầu tư	Đại học Kinh tế quốc dân	2012
110	Giáo trình Quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - FDI	Thống kê	2004
111	Giáo trình Tính chi phí kinh doanh	Trường Đại học kinh tế quốc dân,	2013
112	Giáo trình Kế toán quản trị	Trường Đại học kinh tế quốc dân	2012
113	Giáo trình Phân tích kinh doanh lý thuyết và thực hành	Tài chính	2007
114	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh	thống kê	2012
115	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh	thống kê	
116	2004Giáo trình Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	DHCNQN	2022
117	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Tài chính	2010
118	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Thống kê	2006
119	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Trường Đại học kinh tế quốc dân	2017
120	Chính sách cơ chế TC hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ và hoạt động khởi nghiệp	Tài chính	2020
121	Giáo trình “Quản trị chuỗi cung ứng	ĐH Kinh tế Quốc Dân	2015
122	Hỏi đáp chuỗi cung ứng hàng XK Việt Nam	Công Thương	2020
123	Giáo trình Quản trị bán hàng	ĐH Kinh tế Quốc dân	2018
124	Giáo trình Quản trị bán hàng hiện đại	Tài chính,	2016
125	Business Basics	Oxford University Press	2001
126	English for Management Studies in higher Education Studies I	Garnet Education	

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
127	Career Paths. Management II: Book 1	Express Publishing	
128	English for Management Studies in higher Education Studies 1	Garnet Education	
129	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản	Bách Khoa - Hà Nội	2013
130	Bài giảng Thương mại điện tử	ĐHGCNQ	
131	Thương mại điện tử căn bản	thông tin và truyền thông	2020
132	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Giáo dục	1999
133	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Giáo dục	1997
134	Lịch sử Việt Nam	Giáo dục	2005
135	Tổng quan du lịch	ĐHCNQ	2019
136	Quản Trị Cơ Sở Lưu Trú Du Lịch	tài chính	
137	Quản trị kinh doanh khách sạn - Từ lý thuyết đến thực tiễn	Hà Nội	2005
138	Giáo trình “Phát triển Du lịch cộng đồng ở Việt Nam”	Thể thao và Du lịch	2020
139	Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù	Thể thao và Du lịch	2019
140	Giáo trình Địa lý Kinh tế xã hội đại cương	Đại học Sư phạm	2012
141	Giáo trình Kinh tế du lịch	Lao động – Xã hội	2006
142	Bài giảng Kinh tế du lịch	ĐHCNQ	
143	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	Đại học Sư phạm	2012
144	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính	2010
145	Tài chính doanh nghiệp	Thống kê	2006
146	Quản Trị Kinh Doanh Khách Sạn	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	2013
147	Lễ Tân Ngoại Giao Thực Hành	Chính Trị Quốc Gia Sự Thật	2018
148	Bài giảng Quản trị lễ tân khách sạn	ĐHCNQ	
149	Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn	Đại học Kinh tế quốc dân	2008
150	Giáo trình Nghiệp vụ nhà hàng	PHCM	2011

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
151	Giáo trình Quản lý điểm đến du lịch	Trường ĐH Mở	2020
152	Giáo trình Marketing du lịch	ĐH Kinh tế quốc dân	2008
153	Giáo trình Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	DHCNQN	2022
154	Giáo trình hành vi khách hàng du lịch	Lao động – xã hội	2010
155	Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	ĐHKQTĐ	2018
156	English for international tourism – Pre- Intermediate	Longman ELT	2013
157	English for international tourism – Pre- Intermediate,	Longman ELT	2003
158	English for Careers – Tourism	Oxford	
159	Be my guest	Cambridge University Press	
160	Career Paths: Hotel and Catering	Express Publishing	2003
161	English for international tourism – Pre- Intermediate	Longman ELT.	
162	Phát triển Du lịch cộng đồng ở Việt Nam	Thể thao và Du lịch	2020
163	Phát triển Du lịch đặc thù	Thể thao và Du lịch	2019
164	Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Trường Đại học kinh tế quốc dân	2018
165	Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Tài chính	2008
166	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Thống kê	2001
167	Quản trị kinh doanh	Đại học kinh tế quốc dân	2013
168	Quản trị kinh doanh	Lao động - Xã hội	2004
169	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	Lao động - Xã hội	2004
170	Giáo trình Quản trị kinh doanh lý hành	Trường Đại học kinh tế quốc dân	2010
171	Giáo trình quản trị kinh doanh lý hành	Thống kê	2017
172	Giáo trình Du lịch bền vững	DHCNQN	2021
173	Giáo trình Hệ thống thông tin	DHCNQN	2019

TT	Tên tài liệu	Nhà xuất bản	Năm
	quản lý		
174	Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Học viện KTQS	2016
175	Phát triển Du lịch cộng đồng ở Việt Nam	Thể thao và Du lịch	2020

XIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Căn cứ vào kế hoạch thời khoá biểu của từng học kỳ, Nhà trường tổ chức lập kế hoạch lịch thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. Việc tổ chức thi, trong đó bao gồm các khâu: lập lịch thi, chuẩn bị đề thi, coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo và công tác lưu trữ tài liệu thi được triển khai thực hiện theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHCNQN ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

12.2. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- c. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- d. Có chứng chỉ GDQP&AN và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- d. Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Nhà trường.

Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần/năm. Thời gian xét tốt nghiệp sau khi kết thúc mỗi học kỳ. Trước khi xét, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp thông qua Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch hội đồng, Trưởng Phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng Phòng công tác học sinh sinh viên. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện

tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp. Sinh viên không tốt nghiệp sẽ được Nhà trường cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường.

12.3. Các chú ý khác

- Căn cứ vào tình hình thực tế, thứ tự bố trí các học phần trong các học kỳ có thể điều chỉnh nhưng phải đảm bảo điều kiện logic nhận thức khi học các học phần.

- Tổ chức thực hiện chương trình theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường.



HIỆU TRƯỞNG

***TS. Hoàng Hùng Thắng**